



**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ DU LỊCH SÀI GÒN**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2019**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2019

MỤC LỤC

		Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I.	GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	8
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	9
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	10
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
1	Đặt vấn đề	12
2	Tổng quan chung	12
2.1	Căn cứ tự đánh giá	12
2.2	Mục đích tự đánh giá	13
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	13
2.4	Phương pháp tự đánh giá	13
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	14
3	Tự đánh giá	14
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	14
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	
3.2.1	Tiêu chí 1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	23
3.2.2	Tiêu chí 2. Hoạt động đào tạo	33
3.2.3	Tiêu chí 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động	45
3.2.4	Tiêu chí 4. Chương trình và giáo trình	55
3.2.5	Tiêu chí 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	63
3.2.6	Tiêu chí 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	71
3.2.7	Tiêu chí 7. Quản lý tài chính	75
3.2.8	Tiêu chí 8. Dịch vụ người học	79
3.2.9	Tiêu chí 9. Giám sát, đánh giá chất lượng	86
3.3	Bảng mã minh chứng	90
PHẦN III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	117
PHẦN IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	119

Số: /BC-CĐNDLSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Giải thích
1	BCH	Ban chấp hành
2	BGH	Ban giám hiệu
3	CBNV	Cán bộ, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐN	Cao đẳng nghề
6	DLSG	Du lịch Sài Gòn
7	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
8	GV	Giảng viên
9	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
10	HDDL	Hướng dẫn du lịch
11	HĐQT	Hội đồng quản trị
12	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
13	HSSV	Học sinh, sinh viên
14	KĐCL	Kiểm định chất lượng
15	LĐTĐ & XH	Lao động Thương binh và Xã hội
16	LH	Lữ hành
17	MTCV	Mô tả công việc
18	NCKH	Nghiên cứu khoa học

19	P. CSVC	Phòng Quản trị thiết bị và Cơ sở vật chất
20	P.ĐT	Phòng Đào tạo
21	P.HCNS	Phòng Hành chính Nhân sự
22	P.TCKT	Phòng Tài Chính Kế toán
23	P.TVTS	Phòng Tư vấn tuyển sinh và truyền thông
24	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
25	QĐ	Quyết định
26	TCDL	Tổng cục Du lịch
27	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
28	TDTT	Thẻ dự thể thao
29	TTB-DC	Trang thiết bị - dụng cụ
30	TW	Trung ương
31	VHNT	Văn hóa nghệ thuật
32	VHTT & DL	Văn hóa Thể thao và Du lịch
33	VTOS	Trung tâm thẩm định và Đào tạo cho Hệ thống tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

1.1. Tên Tiếng Việt: **Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn**

1.2. Tên Tiếng Anh: Saigon Tourism Vocational College

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động Thương binh & Xã hội

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 347A Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh

Cơ sở 1: 347 Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: TT 17 Tam Đảo, P.15, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 20/11C Kỳ Đồng, Q.03, Tp. Hồ Chí Minh

1.5. Số điện thoại: (028) 38 344 856 - (028) 38 344916 - (028) 62 908923

1.6. Số Fax: (028) 38 344917

1.7. Email: saigon@dulichsaigon.edu.vn / truongdulichsaigon@gmail.com

1.8. Website: www.dulichsaigon.edu.vn

1.9. Năm thành lập:

Năm thành lập đầu tiên : 1991

Năm thành lập trường Trung cấp nghề : 2007

Năm thành lập trường Cao đẳng nghề : 2010

1.10. Loại hình trường: Công lập: ; Tư thực:

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

2.1. Tóm tắt các bước phát triển quan trọng của nhà trường:

- Ngày 16/10/1991, *Trung tâm đào tạo Nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn* được thành lập theo quyết định số 150/QĐ-DN của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 17/02/1994, Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn được đổi tên thành *Trường Đào tạo Nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn*, căn cứ theo quyết định số 235/QĐ-DN của Sở Giáo Dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm 1997, được Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh công nhận là *Trường Dạy nghề tư thực đào tạo nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn* theo quyết định số 3831/QĐ-UB-NC ký ngày 23/07/1997.

- Năm 2006, Được “Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam” do Tổng cục du lịch Việt Nam và Ủy ban hợp tác Châu Âu (EU) công nhận trường là *Trung tâm thẩm định và Đào tạo cho Hệ thống tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam (VTOS)*.

- Năm 2007, được chuyển đổi thành *Trường Trung cấp nghề tư thực Du lịch Sài Gòn* theo quyết định số 4923/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 31/10/2007.

- Năm 2009, được Tổng cục Du lịch công nhận trường được *đào tạo các khóa ngắn hạn và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1,2,3* tháng theo công văn số 563/TCDL-LH do Tổng cục Du lịch ký ngày 21/08/2009.

- Năm 2010, được công nhận là *Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn* trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề tư thục Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ký ngày 28/06/2010.

- Năm 2018, nhà trường đã được Tổng cục Du lịch công nhận qua công văn số 1461/TCDL-LH ngày 18/10/2018 về việc tổ chức thi nghiệp vụ điều hành du lịch; và công văn số 1643/TCDL-LH ngày 14/11/2018 về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa, quốc tế.

2.2. Thành tích đạt được:

2.2.1. Danh hiệu thi đua: Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày tháng, năm của quyết định thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2016	Tập thể lao động xuất sắc chuyên ngành Đào tạo	QĐ số 4712/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
2014	Tập thể lao động xuất sắc chuyên ngành Đào tạo	QĐ số 4657/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
2002	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 10/QĐ-TCDL ngày 21/01/2003 của Tổng cục Du lịch.
2000	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 120/1999/QĐ-TCDL-TĐ ngày 14/05/2001 của Tổng cục Du lịch.
1999	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 213/QĐ-TCDL-TĐ ngày 24/06/2000 1999 của Tổng cục Du lịch.
1998	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 104/1999/QĐ-TCDL ngày 01/03/1999 của Tổng cục Du lịch

2.2.2. Danh hiệu thi đua: Cờ truyền thống của UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày tháng, năm của quyết định thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2016	Cờ Truyền thống	QĐ số 5095/QĐ-UB ngày 28/09/2016.

2.2.3. Danh hiệu thi đua: Sờ Lao động Thương binh và Xã hội

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày tháng, năm của quyết định thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2019	Tập thể Lao động tiên tiến	QĐ số 28805/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/08/2019 (Tập thể lao động tiên tiến năm học 2018 – 2019)

2.2.4. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		
2016	Bằng khen	QĐ số 774/QĐ-LĐTBXH ngày 23/06/2016
2003		QĐ số 1633/QĐ-LĐTBXH ngày 17/11/2004.
2002		QĐ số 382/QĐ-LĐTBXH ngày 8/04/2003.
2001		QĐ số 365/QĐ-LĐTBXH ngày 25/03/2002.
Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch		
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2018	Bằng khen	QĐ số 4735/QĐ-BVHTTDL ngày 20/12/2018 (Có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo lĩnh vực VHHTDL tại địa phương 2018)
2016		QĐ số 2947/QĐ-BVHTTDL ngày 24/ 08/ 2016 (bằng khen cho tập thể và 03 cá nhân)
2007 - 2011		QĐ số 2809/QĐ-BVHTTDL ngày 09/ 09/ 2011 (01 cá nhân Hiệu trưởng và 01 của tập thể)
Tổng cục Du lịch		
1996	Bằng khen	QĐ số 24/TCDL-QĐ ngày 27/01/1997.
1997		QĐ số 48/TCDL-QĐ ngày 15/01/1998.
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh		
2019	Chứng nhận	QĐ số 3879/QĐ-UBND ngày 12/09/2019 (Tập thể lao động Xuất sắc năm học 2018 – 2019)
2003	Bằng khen	QĐ số 803/QĐ-UB ngày 01/02/2004.
2000		QĐ số 2007/QĐ-UB ngày 9/04/2001.
1999		QĐ số 1345/QĐ-UB ngày 29/02/2000.
1997 - 1998		QĐ số 5879/QĐ-UBKT-NCVX ngày 5/11/1998.
1996 - 1997		QĐ số 6390/QĐ-UBKT-NCVX ngày 10/11/1997.
1995 - 1996		QĐ số 5255/QĐ-UBKT-NCVX ngày 12/11/1996.
1994 - 1995		QĐ số 3919/QĐ-UB ngày 26/12/1995.
Hiệp hội Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam		
2010	Bằng khen	QĐ số 44/QĐ-HHCĐCĐ ngày 02/ 08/ 2010
Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh		
2016	Giấy khen	QĐ số 715/QĐ-SDL ngày 25/10/2016 (Khen thưởng 15 cá nhân của trường CĐN DLSG)
2005 2006	Bằng khen	Đoạt giải nhất 2 năm liên tục trong 2 cuộc thi “Điểm đến ấn tượng” và “Cùng bay xa, cùng chấp cánh” do Sở Du lịch & Báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức, dành cho Hướng dẫn viên các trường đào tạo du lịch
2007	Bằng khen	Ngày 02/12/2007, v/v tham gia tích cực và đóng góp cho ngành
Sở Lao động Thương binh & Xã hội		

2019	Giấy khen	QĐ 2368/QĐ-SLĐTBXH ngày 23/01/2019 v/v Thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2018.
Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh		
1992-1993 1993-1994 2001-2002 2004	Bằng khen	QĐ số 17/QĐ-GDDT ngày 06/06/ 2002

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

TT	Đội ngũ cán bộ, nhân viên	Số lượng	Trình độ				
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác
01	Ban Giám hiệu	03	03				
02	Thư ký HĐQT	01					01
03	Phòng Đào tạo	03		03			
04	Phòng Hành Chính nhân sự	02		02			
05	Phòng Tài chính Kế toán	05	01	03	01		
06	Phòng Tư vấn tuyển sinh	04		01	03		
07	Phòng Quản trị thiết bị và Cơ sở vật chất	09			01	02	06
08	Khoa Khách sạn - Nhà hàng	11	02	06	02	01	
09	Khoa Lữ hành	07	01	03	02	01	
10	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	01		01			
11	Trung tâm hợp tác và truyền thông Du lịch	03	01	02			
12	Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	01		01			
	Tổng cộng	49	08	22	09	04	06

Bên cạnh đó, nhà trường đã thành lập các hội đồng như:

- Hội đồng tư vấn : 05 thành viên
- Hội đồng khoa học : 07 thành viên
- Hội đồng thẩm định : 07 thành viên

Được hiệu trưởng ra quyết định thành lập khi xây dựng các chương trình đào tạo và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường:

Đơn vị	Họ	Tên	Năm sinh	Học vị	Chức vụ
1. Ban giám hiệu	Ngô Thị Quỳnh	Xuân	1973	Th.S	Hiệu trưởng

	Phan Bửu	Toàn	1975	Th.S	P. Hiệu trưởng
	Nguyễn Trọng	Hoàng	1976	Th.S	P. Hiệu trưởng
2. Thư ký HĐQT	Lê Thị Bích	Đào	1970		Thư ký HĐQT
3. Tổ chức Công Đoàn:					
Công Đoàn	Trần Thị Lam	Giang	1984	CN	Chủ tịch
4. Phòng chức năng:					
P.TCKT	Nguyễn Ngọc	Trường	1976	Th.S	Kế toán trưởng
P. CSVC	Ngô Quang	Đông	1989	CN	Q.Trưởng phòng
P.TVTS	Nguyễn Hữu	Công	1986	CN	Trưởng phòng
P.Đào tạo	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1988	CN	P. Phòng Đào tạo
5. Khoa chuyên môn:					
Khoa KSNH	Nguyễn Văn	Định	1980	Th.S	Trưởng Khoa
	Trần Thị Bích	Ngân	1987	CN	P. Trưởng Khoa
Khoa Lữ hành	Võ Thị Cẩm	Nhung	1959		P.Trưởng Khoa
	Nguyễn Bình Phuong	Bna	1984	TC	TL. Trưởng Khoa
6. Các đơn vị trực thuộc:					
Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	Võ Lê	Quyền	1976	CN	Giám đốc
Trung tâm hợp tác và truyền thông Du lịch	Phạm Ngọc Liên	Thảo	1988	CN	P.Giám đốc
Thư viện	Đoàn Thị Hoàng	Uyên	1989	CN	Trưởng Thư viện

3.3. Tổng số cán bộ, nhân viên của nhà trường (tính đến thời điểm đánh giá): 49 người.

3.4. Đội ngũ giáo viên, giảng viên: 138

- Cơ hữu : 83

- Thỉnh giảng : 54

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường:

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Quản trị khách sạn	6810201	750	Cao đẳng

		5810201	50	Trung cấp
2	Hướng dẫn du lịch	6810103	180	Cao đẳng
3	Quản trị lễ hành	6810104	240	Cao đẳng
4	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	105	Trung cấp
5	Nghiệp vụ Lễ tân		100	Sơ cấp
6	Kỹ thuật chế biến món ăn Việt Nam		90	Sơ cấp
7	Kỹ thuật chế biến món ăn Á - Âu		100	Sơ cấp
8	Nghiệp vụ Nhà hàng		100	Sơ cấp
9	Nghiệp vụ Phòng		70	Sơ cấp
10	Nghiệp vụ Pha chế thức uống		100	Sơ cấp
11	Quản lý khách sạn		100	Sơ cấp
12	Quản lý nhà hàng		100	Sơ cấp
13	Quản lý Bếp		60	Sơ cấp

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính:

Diện tích sử dụng		Diện tích xây dựng		Khu hiệu bộ	Khu học lý thuyết	Khu học thực hành	Thư viện	Thể thao	Nhà ăn	Y tế
Trụ sở chính	Chi nhánh	Trụ sở chính	Chi nhánh							
3,340		887.2		301.7	688.3	1236	86	(*)	150	15
	663			64	224	288			87	
	416				416					
	2,086		309.8		369	594	43		90	42
			30,000							

Ghi chú:

- Trường được Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi chấp thuận chủ trương bố trí cho đầu tư thực hiện dự án xây dựng mới trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn với quy mô 7,6 ha tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi theo VB số 3328/UBND-QLĐT ngày 21/07/2011. Tính đến thời điểm hiện tại nhà trường đã tự đầu tư mua được gần 03 ha đất tại khu vực này. Dự kiến là địa điểm tổ chức môn học Tổ chức sự kiện, Team building, các hoạt động ngoại khóa, ... cho sinh viên các ngành Hướng dẫn du lịch, Quản trị Lễ hành.

- (*) Nhà trường đã ký hợp đồng 05 năm với công ty TNHH DVHH Hoàng Gia V/v thuê sân Chảo Lửa để tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao cho sinh viên các ngành.

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: **2.834**

5.4. Tổng số máy tính của trường : 100 bộ

- Dùng cho văn phòng : 51 bộ (06 laptop)

- Dùng cho sinh viên học tập : 49 bộ

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 03 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 19.262.600.000
- Năm 2018: 24.482.000.000
- Năm 2019: 23.756.624.807 (Tháng 10/2019)

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 03 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 20.969.800.000
- Năm 2018: 26.497.500.000
- Năm 2019: 42.993.767.000

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề:

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

- Căn cứ vào chương VI, của luật giáo dục nghề nghiệp trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, chất lượng đào tạo (đặc biệt trong lĩnh vực GDNN) luôn là vấn đề then chốt, là trọng tâm. Vì vậy, việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là hết sức cần thiết, giúp nhà trường xác định được vị trí và năng lực hiện có, từ đó xây dựng những mục tiêu, giải pháp thiết thực nhằm ngày càng hoàn thiện hơn đáp ứng với yêu cầu đặt ra và sự phát triển của xã hội hiện nay.

- Thực hiện tốt và thường xuyên công tác tự đánh giá chất lượng sẽ tạo điều kiện cho trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trong xã hội.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

- Tự đánh giá chất lượng GDNN có vai trò như là một động lực bên trong giúp nhà trường nâng cao năng lực hoạt động, danh tiếng, uy tín sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận. Ngoài ra, còn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tự đánh giá chất lượng GDNN còn có vai trò nâng cao nhận thức của CBNV, giáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, đó là đào tạo nghề trình độ cao, đào tạo được những lao động có kỹ năng nghề và có năng lực làm việc trong môi trường đa văn hóa.

2. Tổng quan chung:

2.1. Căn cứ tự đánh giá:

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự đánh giá: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Về quy trình tự đánh giá: căn cứ theo Mục 2 thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội V/v Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN.

- Căn cứ công văn số: 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trường cấp, trường cao đẳng năm 2019.

- Căn cứ công văn số:34265/SLĐTBXH-GDNN ngày 11/10/2019 của Sở LĐTBXH Tp.Hồ Chí Minh về việc báo cáo công tác tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2019.

2.2. Mục đích tự đánh giá:

- Trong quá trình tự thực hiện nhà trường sẽ tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của học sinh - sinh viên (HSSV), giảng dạy của giáo viên, giảng viên so với bộ tiêu chí. Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng giáo

dục nghề nghiệp. Đồng thời, phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp Trường xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn đáp ứng với yêu cầu của công tác KĐCL và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá:

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định. Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường. Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

- Đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo của Nhà trường.

- Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự kiểm định theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

- Các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.4. Phương pháp tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của các đơn vị trong Trường:

1. Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 09 tiêu chí và điểm đánh giá trường trung cấp, trường cao đẳng, phòng Đào tạo và các phòng, khoa, trung tâm thực hiện công tác tự kiểm định, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng, khoa, trung tâm.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của phòng, khoa, trung tâm.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của phòng, khoa, trung tâm và gửi hội đồng tự đánh giá chất lượng của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của phòng, khoa, trung tâm.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của Hội đồng tự đánh giá:

1. Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của các phòng, khoa, trung tâm trong trường.

2. Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN.

3. Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN.

4. Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN của thông tư số 15/2017/TT-LD9TBXH do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng GDNN.

5. Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017).

6. Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của trường.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

1. Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của phòng Đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác, các khoa và bộ môn trực thuộc cơ sở GDNN, các đơn vị nghiên cứu, dịch vụ, phục vụ đào tạo, các đơn vị sản xuất, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) trong trường.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN trong trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN về Cục kiểm định chất lượng GDNN.

3. Tự đánh giá:

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
	Đề xuất kết quả đạt được		Chưa đạt
	Tổng điểm	100	82
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	9
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
1.4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1

1.6	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
1.7	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	0
1.10	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	0
1.11	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
1.12	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	0
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	15
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1

2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
2.12	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
2.13	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.14	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
2.15	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
2.16	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	0
2.17	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	13
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ	1	1

	quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.		
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
3.10	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	0
3.11	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1

3.14	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	11
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	0
4.7	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	0
4.11	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học	1	0

	tập chính thức.		
4.12	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
4.15	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	11
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	0
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1

5.7	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
5.9	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sơ phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
5.10	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
5.11	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
5.12	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	0
5.13	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
5.14	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
5.15	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
6	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	2
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính	1	1

	sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyên giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.		
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	0
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	0
6.5	Tiêu chuẩn 6. 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	5
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	0
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	9	8
8.1	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều	1	1

	kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
8.2	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
8.3	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
8.4	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	0
8.6	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
8.7	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
8.8	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
8.9	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	9	8
9.1	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
9.3	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
9.4	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
9.5	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá	1	0

	ngoài nếu có.		
9.6	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu: Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn (trước đây trung tâm đào tạo nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn) được thành lập vào ngày 16/ 10/ 1991. Năm 1997, được Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh công nhận là Trường Dạy nghề tự thực đào tạo nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn. Năm 2007, được chuyển đổi thành Trường Trung cấp nghề tự thực Du lịch Sài Gòn. Đến ngày 28/06/2010, được công nhận là Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề tự thực Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh & Xã hội.

Từ khi được nâng cấp lên trường cao đẳng nghề, trường là một địa chỉ tin cậy về đào tạo nghề có chất lượng, có uy tín, cung cấp nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực du lịch của Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

Việc xác định rõ mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của trường được xác định tại đề án thành lập trường CĐN Du lịch Sài Gòn và được các cấp có thẩm quyền thông qua các quyết định thành lập trường. **Căn cứ văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng, nhà trường đã cập nhật và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019).** Đồng thời, tháng 08/2019, nhà trường tiếp tục ban hành Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG, quy chế hiện nay đã và đang đi vào hoạt động nề nếp và ổn định và là cơ sở pháp lý để trường thực hiện nhiệm vụ của mình.

** Những điểm mạnh:*

Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của trường được xác định rõ ràng cụ thể tại các văn bản quan trọng của trường (Đề án thành lập trường, quy chế tổ chức hoạt động của trường ...) được cơ quan chủ quản phê duyệt, đồng thời, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau trên các phương tiện thông tin đại chúng đến được với nhiều đối tượng như: cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên, người học và xã hội.

Quy chế tổ chức hoạt động Trường được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại trường (**Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng và văn bản hợp nhất số 1308/VBHN- BLĐTBXH ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng**).

Được sự quan tâm và hỗ trợ của lãnh đạo Sở Du lịch và Sở Lao động Thương Binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh. Trường có điều kiện tiếp cận được với các chủ trương chính sách, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Thông qua

đó làm cơ sở cho công tác xây dựng chiến lược phát triển của trường cũng như hoạch định mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh.

** Những tồn tại:*

Việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của trường được lồng ghép vào các văn bản báo cáo, kế hoạch của trường, chưa tách riêng thành văn bản độc lập.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của trường chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học, đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội sẽ quảng bá hình ảnh của trường một cách hiệu quả nhất.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	0
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	0

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Năm 2010, được công nhận là Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề tư thục Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ký ngày 28/06/2010 (***1.1.01 - Quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ký ngày 28/06/2010.***)

- Ngày 26 tháng 08 năm 2010 điều lệ Trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn được Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động- Thương binh & Xã hội ký phê duyệt quyết định số 305/QĐ-TCDN-BLĐTBXH về việc phê duyệt Điều lệ trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn (**1.1.02- Quyết định số 305/QĐ-TCDN-BLĐTBXH về việc phê duyệt Điều lệ Trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn**) bao gồm 10 chương, 46 điều quy định cụ thể quyền hạn và nhiệm vụ của trường trong việc đào tạo nghề đáp ứng nguồn nhân lực cho xã hội.

- Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường Cao đẳng và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN- BLĐTBXH ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng). Ngày 18/06/2019, Hiệu trưởng Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn ký ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường (**1.1.03- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn**); (**Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG**).

- Mục tiêu, sứ mạng của trường được cụ thể dài hạn, ngắn hạn theo từng giai đoạn, từng năm và phù hợp với việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương, ngành (**1.1.04 - Kế hoạch hoạt động hàng năm của trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn**);

- Căn cứ theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 như sau: Đóng góp của du lịch năm 2020 chiếm 7%; năm 2025 chiếm 7,2% và năm 2030 chiếm 7,5%; Số lượng cơ sở lưu trú: năm 2020 có 580.000 phòng; năm 2025 có 754.000 phòng; năm 2030 có 900.00 phòng. Chỉ tiêu việc làm: năm 2020 là 2,9 triệu (trong đó có 870 ngàn lao động trực tiếp); năm 2025 là 3,5 triệu (trong đó có 1,05 triệu lao động trực tiếp); năm 2030 là 4,7 triệu (trong đó có 1,4 triệu lao động trực tiếp). Nhu cầu đầu tư: Nhu cầu vốn đầu tư cho giai đoạn 2015 - 2020 là 24 tỷ USD; giai đoạn 2020 - 2025 là 25,2 tỷ USD và 2020 - 2030 là 26,5 tỷ USD. (**1.1.05- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030**).

- Căn cứ theo Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025, trong đó bằng nhu cầu nhân lực 09 nhóm ngành dịch vụ tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 và đến 2025 thì du lịch được đánh giá nhu cầu như sau: Tỷ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%): 8; Số chỗ việc làm (người/năm): 21.600 (**1.1.06- Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025**).

- Mặt khác năm 2006, Được “Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam” do Tổng cục du lịch Việt Nam và Ủy ban hợp tác Châu Âu (EU) công nhận trường là Trung tâm thẩm định và Đào tạo cho Hệ thống tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam (VTOS) (**1.1.07- Phiếu đánh giá công nhận trung tâm thẩm định ký ngày 10/11/2007**). Là 01 trong 14 trung tâm thẩm định nghiệp vụ du lịch của cả nước nói chung và 01 trong 02 trung tâm thẩm định tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

- Hàng năm, các mục tiêu, sứ mạng và nhiệm vụ của trường được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: đăng quảng cáo tuyển sinh trên báo tuổi trẻ, báo giáo dục.... tham gia với báo Giáo dục về việc tuyển sinh và hướng nghiệp tại các trường phổ thông trung học nội, ngoại thành, tham gia phát tờ rơi tại các đợt tuyển sinh cao đẳng, đại học và tại các hội chợ việc làm, tư vấn trực tuyến tại trang web của trường, đồng thời trong công tác tuyển sinh được nhà trường niêm yết công

khai tại trường. *(1.1.08- Các hợp đồng đăng tin chuyên trang với báo Tuổi trẻ, báo Giáo dục), (1.1.09- hợp đồng tham gia tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp với báo Giáo dục), (1.1.10- Trang web của trường, Mạng xã hội (facebook) của trường).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Đồng thời, theo nguồn thống kê từ Sở Du lịch Tp.HCM đến năm 2020 nguồn nhân lực du lịch của Việt Nam phải đạt chuẩn khu vực và quốc tế. ***(1.2.01- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030).***

- Căn cứ quy hoạch phát triển đào tạo nghề Thành phố Hồ Chí Minh đến 2025, trong đó quy hoạch ngành nghề ưu tiên đào tạo, điển hình như : Hướng dẫn du lịch (nghề cần ưu tiên đào tạo giai đoạn 2016 - 2020 theo khảo sát thực tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Kỹ thuật chế biến món ăn, thức uống, Phục vụ nhà hàng, khách sạn (nằm trong hệ thống nghề trọng điểm của quốc tế, khu vực, quốc gia; Lĩnh vực ngành nghề được tự do dịch chuyển theo thỏa thuận trong khuôn khổ của AEC). ***(1.2.02- Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025).***

- Căn cứ báo cáo của Sở Du lịch Tp.Hồ Chí Minh về tình hình hoạt động du lịch năm 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 ***(1.2.03- Báo cáo tình hình hoạt động du lịch năm 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019).***

- Nhà trường đã tổ chức tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng là học sinh trong các trường THPT trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận về nhu cầu các ngành nghề mà doanh nghiệp đang cần. Đồng thời, nhà trường thường xuyên tư vấn, setup, đào tạo và tái đào tạo nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng tay nghề cho các doanh nghiệp du lịch tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. ***(1.2.04- Các kế hoạch tư vấn hướng nghiệp; Các hợp đồng tư vấn, đào tạo cho doanh nghiệp tại địa phương).***

- Bên cạnh đó, nhà trường Phối hợp với Sở Du lịch Tp.Hồ Chí Minh tổ chức các lớp bồi dưỡng: nghiệp vụ Quản lý khách sạn vừa và nhỏ, quản lý cơ sở lưu trú nhỏ, nghiệp vụ Phòng, nghiệp vụ Lễ tân... dành cho các đối tượng là cán bộ quản lý, nhân viên của các doanh nghiệp lưu trú trên địa bàn thành phố, căn cứ theo thông tư 88/2008/TT – BVHTTDL ban hành 31/12/2008 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/06/2007 của chính phủ quy định về tiêu chuẩn của các cơ sở lưu trú kinh doanh du lịch. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch dành cho cho lực lượng bảo vệ khách du lịch; bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch theo thông tư liên bộ (Bộ Giao thông Vận tải - Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch) cho trên 1.000 tài xế du lịch tại Tp.Hồ Chí Minh. Đồng thời, thực hiện công văn số 359/TCDL- LH của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, nhà trường đã phối hợp với Sở Du lịch Tp.Hồ Chí Minh tổ chức các khóa Bồi dưỡng kiến thức định kỳ cho 1.200 hướng dẫn viên đang là đối tượng đối thế. ***(1.2.05- Các kế hoạch, thông báo của trường về việc tổ chức bồi dưỡng các khóa ngắn hạn dành cho các đối tượng nêu trên).***

- Từ năm 2009 đến năm 2017, nhà trường đã đào tạo cho hơn gần 1.000 học viên các lớp nghiệp vụ hướng dẫn 1 tháng, 2 tháng và 3 tháng để được xét cấp thẻ hướng

dẫn viên quốc tế và nội địa theo chương trình của Tổng Cục Du Lịch. Căn cứ theo QĐ: 1416/QĐ-BVHTTDL ngày 14/04/2009 v/v ban hành chương trình khung ngắn hạn đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn và theo công văn số: 563/TCDL-LH ngày 21/08/2009 của Tổng cục Du lịch V/v chấp thuận cho trường Cao đẳng nghề Du Lịch Sài Gòn mở các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch ngắn hạn.

- Năm 2018, nhà trường đã hoàn tất Bộ đề án tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ Điều hành du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (*theo Quyết định Số 92/QĐ-TCDL ban hành quy định về cấu trúc và dung lượng đề thi nghiệp vụ điều hành du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*), được Tổng cục Du lịch công nhận qua công văn số 1461/TCDL-LH ngày 18/10/2018 về việc tổ chức thi nghiệp vụ điều hành du lịch; và công văn số 1643/TCDL-LH ngày 14/11/2018 về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa, quốc tế.

- Căn cứ vào kết quả tuyển sinh trong 03 năm vừa qua, từng năm luôn đạt chỉ tiêu đặt ra. Lưu lượng tuyển sinh hàng năm riêng đối với hệ cao đẳng nghề của trường đạt trên **1.400** SV. Điều này chứng tỏ, xã hội đã công nhận và quan tâm đến chất lượng đào tạo, và việc đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp của trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn là phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu của người học, và nhu cầu của xã hội.

- Bên cạnh đó, hàng năm trường tổ chức họp BGH với lãnh đạo phòng/khoa/trung tâm để phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực tại Tp.Hồ Chí Minh để đưa ra quyết định/ xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo (*thể hiện qua các biên bản họp của BGH và Lãnh đạo các phòng, khoa trung tâm*)

- Từ những căn cứ trên là cơ sở để nhà trường đề ra mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể cũng như phương hướng hoạt động hàng năm. Như vậy, khi đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong từng năm học của Trường và mục tiêu chung tại đề án thành lập trường, thì các ngành nghề đào tạo của trường đảm bảo tính đa dạng, đáp ứng được một phần nhu cầu lao động của các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. (**1.2.06- Đề án thành lập trường**), (**1.2.07- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề tư thục Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ký ngày 28/06/2010. (**1.3.01- Quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.**)

- Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường Cao đẳng và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN- BLĐTBXH ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng). Ngày 18/06/2019, Hiệu trưởng Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn ký ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường (**1.3.02 - Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn**);

(Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG).

- Căn cứ vào quy chế tổ chức hoạt động trường, nhà trường ban hành quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm có quy định cụ thể nhiệm vụ và chức năng theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị (***1.3.03- Quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm.***).

- Bên cạnh đó, nhà trường còn ban hành một số quy định khác như: Quy chế chi tiêu nội bộ (***1.3.04- Quy chế chi tiêu nội bộ***); Quy định về quản lý hành chính nhân sự (***1.3.05- Một số quy định về quản lý hành chính nhân sự***), Quy định tài chính kế toán (***1.3.06- Quy định tài chính kế toán***).. ***v.v...***

Nội dung các văn bản nêu trên thể hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý và được thường xuyên rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường:

- Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung định kỳ hàng năm phù hợp với thu chi của Trường và tình hình giá cả thị trường (***1.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ qua các lần ban hành và sửa đổi, bổ sung***).

- Quy chế tổ chức hoạt động trường cũng đã được cập nhật, ban hành căn cứ theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN- BLĐT BXH ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng, thay thế cho Điều lệ của trường trước đây.

- Hàng năm, P.HCNS, P.TCKT chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật các bộ quy định về tổ chức quản lý và tài chính của nhà trường, đồng thời ban hành thông báo đến các phòng, khoa, trung tâm triển khai thực hiện sau khi đã điều chỉnh và được hiệu trưởng xét duyệt; (***1.4.02- Thông báo về việc cập nhật các Bộ Quy định, văn bản tài liệu đã ban hành***).

- Quý 1 hàng năm, P.HCNS cũng ban hành thông báo đến các phòng, khoa, trung tâm vv thực hiện việc rà soát bổ sung các bộ quy định về lưu trữ hồ sơ , bản mô tả công việc và cảm nang hoạt động của các Phòng, khoa, trung tâm (***1.4.03-Thông báo về việc Cập nhật Bộ Quy định Lưu trữ hồ sơ đặc thù từng phòng khoa; 1.4.04- Thông báo về việc cập nhật bản mô tả công việc của cán bộ nhân viên trường***).

- Trong năm 2017, 2018 và 2019, căn cứ theo các thông tư của Bộ LĐTBXH ban hành, lần lượt các quy định, quy chế được cập nhật ban hành (Quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp, quy chế công tác HSSV v.v...).

- Sau mỗi đợt, P.HCNS, P.ĐT và P.TCKT chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo BGH kết quả rà soát, cập nhật những thay đổi trong hệ thống văn bản hiện tại so với các năm cũ trước đó.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được thể hiện tại các văn bản:

- Quy chế tổ chức, hoạt động của trường (***1.5.01- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn***); (***Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG***).

- Bộ quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm (***1.5.02- Quy định chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, khoa, trung tâm***).

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động của trường, các phòng, khoa triển khai xây dựng các kế hoạch của phòng, khoa hàng năm và phân bổ thành các kế hoạch quý. Định kỳ vào ngày 25 của các tháng 3, 6, 9, 12 các phòng, khoa, trung tâm nộp báo cáo hoạt động của quý, năm trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được và chưa được, những khó khăn, hạn chế và những kiến nghị, đề xuất trong quá trình thực hiện. P.HCNS chịu trách nhiệm tổng hợp tất cả các báo cáo của các phòng, khoa về chuyên BGH xem xét đánh giá và bổ sung điều chỉnh cho kế hoạch hoạt động của phòng, khoa, trung tâm và của toàn trường cho năm kế tiếp. (***1.5.03- Báo cáo kết quả hoạt động theo quý, năm của các phòng, khoa***); (***1.5.04- Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động của các phòng, khoa***)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hội đồng quản trị trường được thành lập thông qua các quyết định: Quyết định số 1083/QĐ-LĐTBXH ký ngày 07/09/2010 về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Chương III Điều 10 Điều lệ Trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn; Quyết định số 660/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ký ngày 26/05/2016 về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 - 2020; Quyết định số 366/QĐ-TCDN ngày 29/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề về việc kiện toàn hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 - 2020 (***1.6.01- Quyết định số 1083/QĐ-LĐTBXH ký ngày 07/09/2010***

về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn); (1.6.02- QĐ số 660/QĐ-LĐTĐ ký ngày 26/05/2016 về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 - 2020); (1.6.03- Quyết định số 366/QĐ-TCDN ngày 29/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề về việc kiện toàn hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 - 2020).

- Để đảm bảo các hoạt động của trường, Hiệu trưởng đã ký các Quyết định thành lập các hội đồng và tư giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ như: Hội đồng khoa học, Hội đồng Tuyển sinh; Hội đồng thi tốt nghiệp; Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình dạy nghề... (1.6.04- Các Quyết định thành lập các Hội đồng).

- Việc thành lập các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các tổ bộ môn, các trung tâm đều thực hiện theo trình tự quy định của quy chế tổ chức hoạt động của Trường CĐN Du lịch Sài Gòn, có đầy đủ các quyết định thành lập và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị. (1.6.05- Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm); (1.6.06- Quy định chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, khoa, trung tâm).

- Định kỳ quý, năm các phòng, khoa, trung tâm nộp báo cáo hoạt động của quý trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được và chưa đạt, những khó khăn, hạn chế và những kiến nghị, đề xuất trong quá trình thực hiện. BGH sẽ xem xét đánh giá và bổ sung điều chỉnh cho kế hoạch hoạt động của phòng, khoa, trung tâm và của toàn trường cho năm kế tiếp (1.6.07- Báo cáo kết quả hoạt động theo quý, năm của các phòng, khoa, trung tâm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Ngày 10/02/2018, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định số 38/QĐ -CĐNDLSG về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng. (1.7.01- Quyết định số 38/QĐ - CĐNDLSG ngày 10/02/2018 về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng).

- Tháng 6/2018, nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-CĐNDLSG ngày 07/06/2018 về việc triển khai xây dựng quy trình hệ thống đảm bảo chất lượng (Căn cứ theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động thương binh xã hội và Công văn số 8642/SLĐTĐTBXH-GDNN ngày 11/04/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp), hiện nay nhà trường đã triển khai hoàn thiện 20 quy trình đảm bảo chất lượng & sổ tay bảo đảm chất lượng góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình công cụ quản lý, xây dựng văn hóa chất lượng nhằm đổi mới theo hướng công khai, minh bạch và hiệu quả. (1.7.02- Kế hoạch số 10/KH-CĐNDLSG ngày 07/06/2018 về việc triển khai xây dựng quy trình hệ thống đảm bảo chất lượng). (1.7.03- Sổ tay Đảm bảo chất lượng và 20 quy trình đảm bảo chất lượng). (1.7.04- Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Ngày 10/02/2018, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định số 38/QĐ - CĐNDLSG về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng. ***(1.8.01- Quyết định số 38/QĐ - CĐNDLSG ngày 10/02/2018 về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng), hiện nay nhà trường đã triển khai hoàn thiện 20 quy trình đảm bảo chất lượng & sổ tay bảo đảm chất lượng. (1.8.02 - Báo cáo công tác hàng năm của tổ đảm bảo chất lượng).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định: Không đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Mỗi quan hệ giữa các tổ chức Công Đoàn, Hội sinh viên của trường và chính quyền luôn gắn bó mật thiết và hoạt động trên cơ sở các kế hoạch đã thống nhất. Tổ chức Công Đoàn hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác dạy và học góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công Đoàn thực hiện phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả. Đời sống CBNV ổn định. ***(1.10.01- QĐ về việc công nhận BCH Công đoàn trường, Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Công đoàn).***

- Từ khi thành lập đến nay, Công đoàn và Hội sinh viên của trường đã hoàn thành tốt, luôn quan tâm và thực thiện tốt vai trò của mình, thường xuyên phát động các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa, hữu ích khác trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và sinh viên nhà trường.

- Công đoàn và Hội sinh viên của trường trong những năm vừa qua đã phát huy được vai trò tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh ***(1.10.02- Kế hoạch và Báo cáo hoạt động của Công đoàn, Hội sinh viên qua các năm); (1.10.03- Giấy khen và các Quyết định khen thưởng); (1.10.04 - Các hình ảnh minh chứng).***

- Trong 03 năm qua, Công đoàn, Hội sinh viên của trường hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức đoàn thể và chỉ đạo của cấp trên. ***Tuy nhiên, hoạt động của đoàn thanh niên nhà trường chưa thật sự phát huy tích cực và hiệu quả.***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên chỉ đạo các phòng, khoa, trung tâm về việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo. Công tác này được thực hiện định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

(1.11.01- Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm); (1.11.02- Thành lập Tổ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm); (1.11.03- Thông báo gửi các phòng/khoa được kiểm tra); (1.11.04- Biên bản Kiểm tra, giám sát đào tạo); (1.11.05- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo theo kế hoạch).

- Công tác kiểm tra luôn được chú trọng và thực hiện nghiêm túc. Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn theo dõi và quản lý quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên qua việc theo dõi Thời khóa biểu, Phiếu dự giờ giảng viên. ***(1.11.06- Thông báo dự giờ giảng viên; Phiếu dự giờ giảng viên).***

- Giao cho P.TCKT phối hợp với các Phòng, khoa, trung tâm tiến hành kiểm kê tài sản, thiết bị trong toàn trường theo định kỳ tháng, quý, năm ***(1.11.07- Thông báo V/v kiểm kê tài sản, TTB-DC theo định kỳ hàng năm); (1.11.08- Biên bản kiểm kê tài sản, TTB - DC).***

- Các hoạt động tự kiểm tra khác cũng được tiến hành định kỳ, ví dụ như: kiểm quỹ tiền mặt hàng tháng, báo cáo tài chính hàng năm và đột xuất, Kiểm tra vệ sinh, PCCC ***(1.11.09- Các biên bản kiểm quỹ hàng tháng); (1.11.10- Các biên bản tự kiểm tra PCCC).***

- Qua việc kiểm tra trật tự an ninh trong nhà trường, hàng năm, P.CSVC xây dựng kế hoạch và thực hiện việc tổ chức diễn tập PCCC cho toàn bộ CBNV và các thành viên đội PCCC của trường ***(1.11.11- Kế hoạch và biên bản tự diễn tập phòng cháy, chữa cháy của trường)***. Chính vì vậy, công tác đào tạo được đảm bảo, việc thực hiện nội quy được tốt hơn, tài sản trong nhà trường không có thất thoát và công tác PCCC cũng được chú trọng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được nhà trường xác định là công tác cần thiết và quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy trong quá trình hoạt động, các hình thức thanh tra, kiểm tra luôn được đổi mới, cải tiến để mang lại hiệu quả cao hơn, cụ thể:

- Xây dựng mới và cập nhật phần mềm quản lý đào tạo, giúp việc theo dõi, kiểm soát kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, quản lý giảng viên một cách hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Đồng thời, cải tiến hình thức thi một số môn (thi trên máy tính) để giảm thiểu các văn bản, biểu mẫu không cần thiết ***(1.11.12- Hợp đồng xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo; Biên bản nghiệm thu; Biên bản bổ sung các tính năng của phần mềm).***

- Nhà trường chưa thực hiện thường xuyên việc tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường đã xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng và các văn bản của trường có liên quan đến người học như:

+ *Học bổng khuyến học Nguyễn Thị Bội Quỳnh; Chính sách ưu đãi giảm học phí (anh chị em ruột học cùng trường).*

+ *Sinh viên được phổ biến Quy chế đào tạo; Quy chế thi, kiểm tra & công nhận tốt nghiệp; Nội quy... thông qua sổ tay Sinh viên & Biên bản họp Ban cán sự các lớp với BGH nhà trường (Đối thoại định kỳ).*

- Đồng thời, có các sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà trường như:

+ *Danh sách SV nhận học bổng Nguyễn Thị Bội Quỳnh (có ký nhận);*

+ *Tổng hợp danh sách được duyệt nhận học bổng (theo từng năm)*

+ *Biên bản sinh hoạt giáo viên chủ nhiệm / Ban cán sự lớp (có triển khai v/v thông tin học bổng)*

- Hiện nay, chưa thực hiện việc báo cáo và tổng hợp báo cáo đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 0 điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2. Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hiện nay, Trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn đào tạo 03 cấp độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Trong quá trình tuyển sinh và tổ chức hoạt động đào tạo nhà trường luôn thực hiện theo Luật giáo dục nghề nghiệp và các thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Hiện nay, trường đã lần lượt ban hành các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện hoạt động của trường và đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật.

Đối với hoạt động đào tạo được BGH nhà trường rất quan tâm, từ công tác tuyển sinh đến kế hoạch đào tạo, cũng như các hình thức đa dạng hóa phương pháp tổ chức, đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Đào tạo gắn với thực tế sản xuất, đảm bảo HSSV có việc làm ngay sau khi ra trường..

Để đảm bảo chất lượng của các cấp độ, nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy tại các phòng, khoa, bộ môn. Với những nỗ lực của Ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên đã mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy và học.

** Những điểm mạnh:*

Hàng năm trường có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, cụ thể hóa thông tư, quy định tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh luôn đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức dài hạn tập trung, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình đào tạo, kế hoạch đào tạo được nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, môn đụn.

Chất lượng đào tạo từng bước được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của xã hội, từng bước tiếp cận với phát triển của khu vực.

** Những tồn tại:*

Sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy chưa phát triển mạnh. Để khắc phục, nhà trường sẽ thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại các Khoa, tổ bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho cán bộ, giảng viên; mỗi năm các phòng, khoa và bộ môn phải có sáng kiến kinh nghiệm và ít nhất đúc kết được một đề tài.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục triển khai áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, thiết kế nội dung bài học theo hướng tích hợp và sát với thực tế.

Thường xuyên tổ chức định kỳ hàng năm cho đội ngũ nhân viên, giảng viên về phương pháp giảng dạy hiện đại theo chuẩn T.O.T (Trainer of trainer) mà trường đã được thường hưởng từ “Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam”

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	0
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn tuyển sinh và đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phê duyệt **(2.1.01- GCN đăng ký HĐGDNN số 104/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 03/10/2019).**

- 100% chương trình đào tạo của trường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Danh sách chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường và chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và được công bố **trên website của trường:**

(2.1.02- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp).

(2.1.03- Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng);

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành Quy định tuyển sinh của trường đúng với Luật giáo dục nghề nghiệp, thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/03/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH.

Theo đó, có quy định cụ thể hình thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, chính sách ưu tiên tuyển sinh đối với từng loại đối tượng và khu vực; trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ và kế hoạch tuyển sinh để hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện.

(2.2.01- QĐ số 178/QĐ-CĐNDLSG ngày 11/12/2018 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh; QĐ số 74/QĐ-CĐNDLSG ngày 07/05/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 178/2018/QĐ-CĐNDLSG);

(2.2.02- Kế hoạch tuyển sinh hàng năm). Phương thức và tiêu chí tuyển sinh, tất cả được cụ thể hóa qua thông báo tuyển sinh đối với từng năm học **(2.2.03- Thông báo tuyển sinh).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ quy mô tuyển sinh theo GCN đăng ký hoạt động GDNN đã được Tổng cục GDNN phê duyệt, Phục lục 02 của thông tư số 05/2017, ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, và chỉ tiêu tuyển sinh của Ủy ban nhân dân thành phố duyệt hàng năm **(2.3.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Phục lục 02 của TT05/2017, bảng đăng ký chỉ tiêu hàng năm)**, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đã tổ chức thực hiện tuyển sinh qua nhiều hình thức (đăng báo, tư vấn trực tuyến, truyền hình, đăng ký online, internet, đến các tỉnh, quận, huyện...) **(2.3.02- Quyết định thành lập HĐTS hàng năm; Biên bản họp HĐTS hàng năm); (2.3.03- Kế hoạch tuyển sinh; Thông báo tuyển sinh; Báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm).** Bên cạnh đó, nhà trường **thường xuyên cập nhật và ban hành** quy trình phối hợp tuyển sinh giữa P.ĐT và Phòng Tư vấn Tuyển sinh hàng năm, đảm bảo các quy trình và các bước thực hiện được chặt chẽ, chính xác, nhanh chóng và hiệu quả. **(2.3.04- Quy trình xét tuyển sinh trong mùa cao điểm; Quy trình xét tuyển online).**

- Thông báo tuyển sinh được nhà trường niêm yết công khai tại trường, các Trường phổ thông trung học, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm dạy nghề tại thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận và trên Website của trường **(2.3.05 - Tờ rơi quảng cáo; Các hợp đồng đăng tin trên báo, các hợp đồng quảng cáo với Đài phát thanh truyền hình; Trang web của trường).**

- Công tác tuyển sinh luôn được giám sát chặt chẽ, thực hiện đúng quy chế, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, minh bạch từ xây dựng kế hoạch cho đến tổ chức thực hiện như: thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại trường, trên trang web của trường. HSSV nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện. **(2.3.06- Danh sách thí sinh trúng tuyển hàng năm; Giấy báo trúng tuyển).** Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành quy trình hướng dẫn cho nhân sự phụ trách tuyển sinh thực hiện việc xét tuyển đảm bảo tính chính xác và kịp thời, giảm thiểu tối đa các trường hợp sai sót **(2.3.07- Cẩm nang Phòng Đào tạo).**

- Hội đồng tuyển sinh đã chỉ đạo thực hiện qua việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, **Đồng thời, có các biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh của Hội đồng Thanh tra/kiểm tra (Hội đồng Thanh tra/kiểm tra gồm các thành viên như: Công đoàn, các thành viên khác... không phải Hội đồng tuyển sinh và tự giải thể sau khi hoàn thành công việc).** Vì vậy trong thời gian qua

không có học sinh hay bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về công tác tuyển sinh của trường.

(2.3.08 - Biên bản họp xét tuyển của hội đồng tuyển sinh; Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh); (2.3.09- Quyết định công nhận trúng tuyển); (2.3.10- Giấy báo nhập học).

- Theo định kỳ hàng năm, trường luôn thực hiện báo cáo kết quả tuyển sinh cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo các biểu mẫu quy định **(2.3.11- Báo cáo công tác tuyển sinh năm).**

Thông qua các minh chứng trên, các hoạt động tuyển sinh của trường được thực hiện một cách công bằng, nghiêm túc và khách quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường đã tổ chức thực hiện đa dạng hóa với nhiều phương thức đào tạo như: đào tạo chính quy, đào tạo liên thông đáp ứng yêu cầu của người học **(2.4.01- Chương trình đào tạo; Kế hoạch tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng).** Ngoài chương trình đào tạo tập trung tại trường, nhà trường thường xuyên hợp tác đào tạo chuẩn hóa và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên tại các doanh nghiệp, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận với chương trình và thời lượng đào tạo sát với nhu cầu và tình hình thực tế, được tổ chức đào tạo theo hình thức học tập trung, bán tập trung ngay tại doanh nghiệp **(2.4.02 - Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo các lớp ngắn hạn theo nhu cầu của doanh nghiệp).**

- Hàng năm, các khoa chuyên môn đã xây dựng và đưa vào giảng dạy nhiều chuyên đề mới, đáp ứng mọi nhu cầu của người học **(2.4.03 - Kế hoạch tổ chức các chuyên đề, kỹ năng cho sinh viên).**

- Tuy nhiên hiện nay, nhà trường chỉ áp dụng phương thức đào tạo theo niên chế đối với các khóa đào tạo dài hạn trình độ trung cấp và cao đẳng, chưa triển khai tối thiểu 30% ngành/ngành trình độ TC, CĐ thực hiện theo phương thức tích lũy môđun, tín chỉ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môđun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được hiệu trưởng phê duyệt **(2.5.01- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình**

đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng); (2.5.02- QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp); (2.5.03- Danh sách các lớp, khóa học hàng năm), trên cơ sở đó các khoa chuyên môn đã xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học cho từng nghề và xây dựng tiến độ đào tạo theo năm học, học kỳ, cụ thể hóa thời gian học lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian thực tập theo đúng mẫu quy định, đồng thời, triển khai quản lý trên phần mềm Quản lý đào tạo. Trong kế hoạch đào tạo có chi tiết đến từng modul, môn học và nêu rõ số giờ lý thuyết và thực hành của từng môn (2.5.04 - Kế hoạch đào tạo hàng năm cho từng lớp học, khóa học, từng nghề do Hiệu trưởng phê duyệt).

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng học kỳ trong năm, và lập thời khóa biểu ổn định cho từng học kỳ của năm học đảm bảo đúng tiến độ đào tạo. (2.5.05- Tiến độ đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, kế hoạch giảng viên, giáo viên cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học đã được nhà trường xây dựng bằng văn bản và thường xuyên cập nhật nâng cấp và áp dụng trên phần mềm quản lý đào tạo CCstrain căn cứ theo TT23/2017 quy định về hồ sơ sò sách trong đào tạo (2.6.01- Kế hoạch đào tạo; tiến độ đào tạo; Kế hoạch giáo viên; Thời khóa biểu; Sổ lên lớp; Sổ tay giáo viên). Đề công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo đúng kế hoạch, có chất lượng và hiệu quả, phòng Đào tạo nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Quy trình quản lý hoạt động giảng dạy. Quy trình này nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng chương trình, tiến độ và mục tiêu đào tạo đã được phê duyệt. Đồng thời, ban hành quyết định về việc kiểm tra công tác hành chính liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp (2.6.02- Quyết định về việc kiểm tra công tác hành chính liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Biên bản kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra về hoạt động đào tạo).

- Định hàng năm Trung tâm hỗ trợ sinh viên và các phòng khoa chuyên môn phụ trách triển khai phiếu thu thập ý kiến đánh giá của người học (2.6.03- Phiếu khảo sát thu thập ý kiến đánh giá của người học về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo năm). Trên cơ sở đó, các khoa chuyên môn tổ chức họp xem xét và góp ý cải tiến việc thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ theo chương trình đào tạo, các khoa chuyên môn đã xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng năm học. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, các khoa, bộ môn tiến hành thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra để đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo. **(2.7.01 - Kế hoạch đào tạo hàng năm)**

- Nhà trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp đồng hợp tác với các doanh nghiệp du lịch tạo cơ hội thực tập và việc làm cho HSSV, tạo điều kiện HSSV vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo vào môi trường thực tế tại doanh nghiệp. Vì vậy, HSSV đến thực tập và thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp đều được tiếp nhận thực tập và đánh giá cao, nhiều em đã được ngay sau khi tốt nghiệp.

- Giảng viên, giáo viên hoặc người hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp nhận xét đánh giá về kiến thức, kỹ năng và thái độ của HSSV trong quá trình học tập. Sau mỗi đợt thực tập, nhân viên phụ trách bộ phận thực tập ở các khoa chuyên môn lập báo cáo kết quả thực hành, thực tập căn cứ vào bảng tổng hợp nhận xét của doanh nghiệp.

(2.7.02 - Biên bản ghi nhớ / hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp); (2.7.03 - Công văn gửi HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp); (2.7.04 - Kế hoạch, Thông báo HSSV về các quy định khi đi thực tập tại các doanh nghiệp); (2.7.05- Quyết định về việc cử HSSV đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; DS HSSV thực tập tại doanh nghiệp); (2.7.06- Phiếu đánh giá kết quả thực tập), (2.7.07 - báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại doanh nghiệp)

- Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng thường xuyên liên hệ với nhà trường để tuyển dụng nhân sự thời vụ, bán thời gian và nhân viên chính thức. **(2.7.08- Các thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp).**

- Nhà trường đã thực hiện tốt việc hợp tác với doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo. Đồng thời, thu thập ý kiến từ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, người học và doanh nghiệp để từ đó hoàn thiện hơn nữa chất lượng dạy và học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Giảng viên, giáo viên các khoa chuyên môn đã thực hiện đúng thời lượng thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

- Nhằm phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thực hiện của người học, giảng viên, giáo viên các khoa áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp giảng dạy theo chuẩn T.O.T (trainer of trainer) - được thừa hưởng từ Dự án phát triển nguồn nhân lực Du lịch Việt nam trước đây, thể hiện qua các hoạt động như: phân nhóm, tự nghiên cứu ... **(2.8.01- Danh sách giáo viên, giảng viên đang áp dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực của các khoa). Các phương pháp dạy học tích cực đã thể hiện rõ trong giáo án của từng giảng viên, giáo viên. (2.8.02- Sổ lên lớp); (2.8.03- Giáo án lý thuyết, thực hành có thể hiện phương pháp dạy học nhằm tích cực hóa người học); (2.8.04- Sổ tay giáo viên).**

- Có biên bản dự giờ của các ngành/ngành thể hiện phương pháp đào tạo phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm **việc nhóm, làm việc độc lập** của người học (2.8.05- **Phiếu dự giờ giảng viên**). Bên cạnh đó, trường thực hiện phiếu khảo sát đối với giảng viên, giáo viên và người học nhằm tổng kết, đánh giá, phổ biến kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy (2.8.06- **Phiếu khảo sát và Bảng tổng hợp ý kiến của giảng viên, HSSV nhằm tổng kết, đánh giá phương pháp giảng dạy**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Tiếp tục trong năm 2019, nhà trường đã **tiếp tục** đầu tư, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (CcsTrain) với các tiện ích và tính năng “thông minh” **ứng dụng trên điện thoại di động, laptop, máy tính bảng....** giúp cho cán bộ, nhân viên đặc biệt là **đội ngũ giáo viên, giảng viên của trường tăng cường khả năng quản lý quá trình đào tạo từ giai đoạn khai giảng cho đến khi kết thúc lớp học, khóa học**. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV có thể theo dõi và truy cập thông tin cá nhân về điểm danh môn học, kết quả học tập, học phí và đơn giản hóa các văn bản, giấy tờ, các thủ tục hành chính liên quan đến công tác HSSV ứng dụng phần mềm (CcsTrain) trên website của trường (2.9.01- **Hợp đồng xây dựng, nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo; Hướng dẫn sử dụng; Biên bản nghiệm thu**).

- Hầu hết tất cả các môn học, môn đùn hiện nay đều được xây dựng bài giảng điện tử (PowerPoint) theo mẫu quy định của nhà trường (2.9.02- **Bài giảng điện tử các môn học, môn đùn**).

- Hiện nay, khoa Lữ hành đã áp dụng cải tiến hình thức thi cử bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính được áp dụng cho sinh viên các ngành. (2.9.03- **Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính**).

- Bên cạnh đó, nhà trường đưa vào giảng dạy phần mềm quản lý khách sạn (Smile) cho sinh viên ngành Quản trị khách sạn (QTKS) trình độ trung cấp, cao đẳng và học viên nghề Nghiệp vụ Lễ tân khách sạn trình độ sơ cấp, giúp HSSV tiếp cận phần mềm thực tế mà một số khách sạn hiện nay đang sử dụng, tạo thuận lợi cho HSSV có thể vận dụng nghiệp vụ chuyên môn kết hợp với thao tác sử dụng phần mềm một cách hiệu quả. Điều này đem lại lợi ích thiết thực cho HSSV khi làm việc tại vị trí nhân viên lễ tân khách sạn sẽ nhanh chóng tiếp cận với phần mềm mà không mất nhiều thời gian để được hướng dẫn. Lợi ích đối với doanh nghiệp là giảm thiểu thời gian, chi phí để tái đào tạo và hướng dẫn sử dụng phần mềm cho nhân viên mới mà có thể sử dụng ngay nhân sự trong thời gian thử việc tại bộ phận Lễ tân. Quý 1/2020, nhà trường tiếp tục ký hợp đồng với công ty EZ Cloud để đưa phần mềm quản lý khách sạn với những tính năng mới được cập nhật vào giảng dạy cho HSSV ngành QTKS, giúp HSSV có cơ hội trải nghiệm và sử dụng phần mềm quản lý thông minh tại các khách sạn theo xu hướng phát triển của công nghệ 4.0 hiện nay. (2.9.04- **Phần mềm quản lý khách sạn - Smile**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định: *(Giống Tiêu chuẩn 11 – Tiêu chí 01)*

- Hằng năm, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo các phòng, khoa, trung tâm về việc triển khai thực hiện theo kế hoạch và thông báo tự thanh tra, kiểm tra. Công tác này được thực hiện định kỳ hàng năm theo kế hoạch và đột xuất khi có yêu cầu. *(2.10.01- Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo hàng năm.); (2.10.02- Quyết định Thành lập Tổ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo); (2.10.03- Thông báo gửi các phòng/khoa được kiểm tra); (2.10.04- Biên bản Kiểm tra, giám sát đào tạo). (2.10.05- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo theo kế hoạch)*

- Công tác thanh tra, kiểm tra luôn được chú trọng và thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn theo dõi và quản lý quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên qua việc theo dõi Thời khóa biểu, Sổ ghi nhận tình hình giảng dạy đối với giảng viên, Phiếu dự giờ giảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hàng ngày căn cứ vào giờ lên lớp của giảng viên và giờ học của sinh viên do các Khoa chuyên môn và P.ĐT cử người chịu trách nhiệm thực hiện.; *(2.10.06- Phiếu dự giờ giảng viên).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Việc nâng cao chất lượng đào tạo luôn được nhà trường chú trọng và quan tâm, được thể hiện trong các kế hoạch hoạt động của trường và triển khai đến các kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động của từng phòng, khoa chuyên môn, đồng thời cũng được thể hiện tại các biên bản họp tổ bộ môn, các đề xuất của khoa chuyên môn và báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm, để làm cơ sở Ban giám hiệu nhà trường quyết định kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học khi cần thiết. *(2.11.01- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm); (2.11.02- Danh sách các hạng mục cần thay đổi & có biện pháp nâng cao / đề xuất để thay đổi, nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học); (2.11.03- Các văn bản/Quy định...mới có kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học).*

- Ví dụ minh chứng: việc cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo, chương trình môn học/ môđun được các khoa chuyên môn và P.ĐT thường xuyên thực hiện để đáp ứng kịp thời với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội được thể hiện qua các văn bản:

(2.11.04- Quy trình chỉnh sửa, bổ sung CTĐT); (2.11.05- Quy trình chỉnh sửa, bổ sung CT môn học/ môđun); (2.11.06- Biên bản họp hội đồng thẩm định); (2.11.07- Quyết định điều chỉnh CTĐT, chương trình môn học, mô đun).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp. Giao cho Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện công tác trên, đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của trường. ***(2.12.01-QĐ số: 99/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/06/2017 V/v ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn)***. Nội dung Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của trường có biện pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô-đun, môn học. Đối với thi tốt nghiệp trường thành lập Hội đồng thi, ban thư ký, ban coi và chấm thi, quy trình thi, kiểm tra được tổ chức chặt chẽ nghiêm túc, khách quan từ việc ra đề thi, coi thi, chấm thi đến tổng hợp kết quả ...

- Việc thực hiện công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học/môđun, học kỳ, thi tốt nghiệp của trường đúng theo Quy chế đào tạo của trường và Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường.

- Đồng thời, một số nội dung của Quy chế đào tạo và Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường còn được thể hiện trong Sổ tay sinh viên và cẩm nang hoạt động của P.ĐT. ***(2.12.02- Sổ tay sinh viên); (2.12.03- Cẩm nang Phòng Đào tạo)***.

- Bên cạnh đó, căn cứ theo thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017, nhà trường đã ban hành quy định quản lý cấp phát bằng, chứng chỉ ***(2.12.04- QĐ số 196/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/02/2017 V/v quy định công tác quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ)***.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường thường xuyên mời doanh nghiệp tham gia giảng dạy, báo cáo các chuyên đề bổ sung kiến thức cho HSSV, tham gia xây dựng đề cương, xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ CBNV công tác trong ngành tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Đồng thời, mời đại diện của doanh nghiệp tham gia coi - chấm thi tốt nghiệp, tham gia Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo, tham gia soạn thảo ngân hàng đề thi tốt nghiệp, đề kiểm tra kết thúc môđun/môn học ***(2.13.01 - Thư mời doanh nghiệp tham gia chấm thi tốt nghiệp; tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Danh sách doanh nghiệp tham gia chấm thi TN); (2.13.02- Hợp đồng giảng dạy; Danh sách các giảng viên, chuyên gia của các doanh nghiệp tham gia giảng dạy tại trường; Giấy xác nhận công tác trong ngành)***.

- Bên cạnh đó, Trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp đồng hợp tác với các doanh nghiệp du lịch về việc thực tập và tuyển dụng HSSV, tạo điều kiện HSSV vận

dụng các kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo vào môi trường thực tế tại doanh nghiệp. **(2.13.03- Công văn gửi HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp)**; Vì vậy HSSV đến thực tập tại các doanh nghiệp đều được doanh nghiệp tiếp nhận và đánh giá cao, nhiều em đã được ngay sau khi tốt nghiệp, **(2.13.04- Phiếu đánh giá kết quả thực tập)**, **(2.13.05 - Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại doanh nghiệp)**.

- Các minh chứng trên cho thấy, nhà trường có hợp tác đào tạo, gắn nhà trường với doanh nghiệp để giúp sinh viên nâng cao ý thức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và môi trường doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. Cụ thể:

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học, môn đôn được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn từ phòng Đào tạo và trong cẩm nang thư ký khoa của các Khoa chuyên môn, **(2.14.01- Cẩm nang thư ký Khoa)**; **(2.14.02- Bộ văn bản, tài liệu về công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn)**.

- Việc tổ chức thi tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi đến công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, thông báo kết quả **đến việc quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định**; **(2.14.03- QĐ số: 99/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/06/2017 V/v ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn; QĐ số 196/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/02/2017 V/v quy định công tác quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ)**; **(2.14.04- Cẩm nang phòng Đào tạo)**.

- Sau mỗi đợt thi tốt nghiệp Phòng Đào tạo lập báo cáo cho lãnh đạo nhà trường theo đúng quy định. **(2.14.05 - Báo cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp hàng năm)**.

- Việc thực hiện công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học/môđun, học kỳ, thi tốt nghiệp của trường đúng theo Quy chế của trường đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô-đun, môn học nên trong thời gian qua không có trường hợp phản ánh hay khiếu nại từ HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, BGH nhà trường giao cho Phòng Đào tạo (P.ĐT) chịu trách nhiệm về việc lập kế hoạch rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo định kỳ hàng năm (**2.15.01- Kế hoạch rà soát và cập nhật các quy định tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp**). Đồng thời, cũng được cập nhật, bổ sung và thể hiện trong cẩm nang hoạt động của Phòng Đào tạo (**2.15.02- Cẩm nang Phòng Đào tạo**).

Hàng năm, P.ĐT tổng hợp các ý kiến, báo cáo của các khoa chuyên môn và hội đồng thi tốt nghiệp lập báo cáo hoặc đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt. **Căn cứ vào kết quả rà soát, P.ĐT và các khoa chuyên môn tổ chức họp tham mưu, đề xuất (như: BB Họp tổ bộ môn nội dung thể hiện sự thay đổi, ứng dụng vào thực tế v.v...) để BGH nhà trường căn cứ ban hành quyết định cập nhật, điều chỉnh phù hợp. (2.15.03- Báo cáo công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trường tổ chức xây dựng CTĐT và tổ chức đào tạo đối với những ngành, nghề trường đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng.

- Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ- BLĐT BXH Ngày 6/5/2008. (**2.16.01- Chương trình đào tạo liên thông**). Đối với các nghề có liên thông trường đều có xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết cho từng nghề, từng học kỳ và chi tiết đến từng mô đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết thực hành và thực tập. (**2.16.02- Kế hoạch, Tiến độ đào tạo liên thông**).

- Do từ năm học 2014- 2015, trường không Tuyển sinh đào tạo liên thông được.

- Năm 2017, căn cứ theo thông tư số 27/2017/TT-LĐT BXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành vào ngày 21/09/2017, Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN và có hiệu lực bắt đầu từ tháng 11/2017. Nhà trường đã tiến hành rà soát, xây dựng chương trình đào tạo liên thông các ngành Quản trị khách sạn và Hướng dẫn du lịch theo quy định của thông tư nêu trên. (**2.16.03- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Các văn bản quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo thông tin người học, kết quả học tập.....) được xây dựng cụ thể và cập nhật hàng năm trong Cẩm nang của Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn, (**2.17.01- Cẩm nang**

Phòng Đào tạo, Cẩm nang thư ký Khoa); (2.17.02- Quy định về việc lưu trữ hồ sơ, backup dữ liệu của các phòng, khoa, trung tâm).

- Bên cạnh đó, việc quản lý quá trình đào tạo, thông tin người học, kết quả học tập được triển khai thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo, có hướng dẫn chặt chẽ giúp cho cán bộ, nhân viên và HSSV của trường có thể truy cập dữ liệu thông tin về kết quả đào tạo và học tập một cách thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả nhất. **(2.17.03- Phần mềm quản lý Đào tạo).**

- Việc đánh giá tổ chức quản lý và sử dụng hiệu quả các dữ liệu hoạt động đào tạo được thể hiện tại các Biên bản họp giao ban, biên bản họp giữa các phòng khoa trong việc phối hợp tổ chức hoạt động đào tạo **(2.17.04- Biên bản họp)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu: Nhà trường có một số chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhân viên và giảng viên, hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ, nhân viên, giảng viên đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ.

** Những điểm mạnh:*

- Lực lượng giảng viên của trường đa phần đã có nhiều năm trong công tác giảng dạy và có nhiều kinh nghiệm thực tế trong ngành du lịch lữ hành và khách sạn - nhà hàng, trong đó có một số là cựu học sinh sinh viên của trường.

- Tỷ lệ giảng viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm chiếm 90%. Hiện trường vẫn tiếp tục triển khai tiến hành bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.

- Với kinh nghiệm nghề nghiệp và đặc biệt là sự nhiệt tình, luôn quan tâm đến lợi ích chính đáng của sinh viên, đội ngũ giảng viên của trường đã đóng góp nhiều công lao to lớn đến sự phát triển của nhà trường ngày hôm nay. Có khoảng 65% dạy cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giảng viên nhà trường.

- Hầu hết giảng viên dạy nghề tận tụy với nghề, có phẩm chất, đạo đức tốt, tích cực tham gia hội giảng và các hoạt động chuyên môn.

- Đội ngũ cán bộ, nhân viên của trường đủ về số lượng và cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

** Những tồn tại:*

- Tỷ lệ giảng viên, giáo viên cơ hữu chưa đồng đều trong các khoa, tổ bộ môn.

- Chưa đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học **và kỹ năng thực hành nghề** đối với giảng viên cao đẳng nghề theo quy định hiện hành của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong năm 2020, tiếp tục khuyến khích, cử cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, ngoại

ngữ và tin học, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng thực hành nghề để phục vụ hoạt động của nhà trường tốt hơn và đáp ứng theo yêu định của TT08/2017.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	0
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng, văn bản hợp nhất số 1308/VBHN- BLĐTĐ ngày 05/04/2019 quy định Điều lệ trường Cao đẳng và Thông tư số 06/2017/TTBLĐTĐ Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trường CĐN DLSG đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức hoạt động nhà trường.

(3.1.01- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn; Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG);

(3.1.02- Kế hoạch số 03/KH-CĐNDLSG về việc Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường giai đoạn 2018 - 2020).

- Nhà trường đã thường xuyên cập nhật và ban hành các quyết định, quy định để chủ động và khách quan trong công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch và bồi dưỡng CBNV, giảng viên, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tuyển dụng CBNV và giảng

viên, giáo viên của trường, đồng thời xây dựng các bản mô tả công việc của cán bộ quản lý, giảng viên cơ hữu. **(3.1.03- Quyết định số 133/QĐ-CĐNDLSG, ngày 14/08/2017 Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên), (3.1.04- Quyết định số 71/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/04/2017 Về việc ban hành Quy trình tuyển dụng nhân sự). (3.1.05- Quy định quản lý nhân sự); (3.1.06- Hướng dẫn quy hoạch CBQL giai đoạn 2018 - 2020); (3.1.07- Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự).**

- Việc đánh giá, phân loại CBNV, giảng viên được Phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn và GV triển khai thực hiện căn cứ theo quy định mà trường đã xây dựng và ban hành như: Đối với CBNV việc đánh giá được triển khai định kỳ 06 tháng/1 lần thông qua kế hoạch thực hiện đánh giá cán bộ, nhân viên hàng năm cùng với các tiêu chí đánh giá CBNV được các phòng, khoa, trung tâm đề xuất phù hợp với từng cá nhân và phù hợp với đặc thù công việc của các Phòng, Khoa trung tâm **(3.1.08- Quy định Đánh giá, xếp loại CBNV; Kế hoạch thực hiện đánh giá cán bộ, nhân viên hàng năm; Tiêu chí đánh giá CBNV)**... Đối với lực lượng giảng viên, giáo viên việc đánh giá được áp dụng căn cứ vào vai trò, trách nhiệm của các khoa chuyên môn trong công tác quản lý, đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên và được thực hiện trên cơ sở của quy định đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên tại trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn **(3.1.09- QĐ số: 117/QĐ-CĐNDLSG ngày 10/07/2017 V/v ban hành Quy định đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Việc tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại GV, cán bộ quản lý, người lao động theo quy định và đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan **được thể hiện qua các văn bản như:**

(3.2.01- Báo cáo việc tuyển dụng nhân sự); (3.2.02- Kế hoạch số 03/KH-CĐNDLSG về việc Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường giai đoạn 2018 - 2020); (3.2.03 - Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm); (3.2.04 - Báo cáo v/v Thực hiện Hướng dẫn Quy hoạch CB Quản lý giai đoạn 2018 - 2020);

- Việc tổ chức đánh giá, phân loại CBNV, GV được các phòng/khoa chuyên môn thực hiện căn cứ theo quy định mà trường đã xây dựng và ban hành **(3.2.05- Báo cáo Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại CBNV hàng năm); (3.2.06- Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên).**

- Các chính sách, chế độ cho GV, CBNV được thể hiện tại các văn bản minh chứng như: Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, bảng xác định các chế độ dành cho GV cơ hữu, thỉnh giảng; Bảng MTCV của CBNV, GV. **(3.2.07- Quy chế chi tiêu nội bộ); (3.2.08- Bảng xác định các chế độ, phúc lợi dành cho giáo viên, giảng viên);**

(3.2.09- *Danh sách CBNV, GV được hưởng chế độ **phúc lợi** theo quy định hàng năm*); (3.2.10 - *Quyết định khen thưởng CBNV, GV hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trong công tác tuyển dụng, sử dụng giảng viên, nhà trường đã có quy định nhằm tuyển dụng và sử dụng giảng viên phù hợp với chuyên ngành đào tạo của trường. Với những giảng viên chưa đạt chuẩn được nhà trường tạo điều kiện để đi học bổ sung. (3.3.01- *Danh sách trích ngang giảng viên: họ tên, trình độ đào tạo, môn-đơn/môn học giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ*); (3.3.02- *Hồ sơ giảng viên*).

- Ban Giám hiệu trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nâng trình độ giảng viên của trường. Đối với giảng viên chưa đạt chuẩn về tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm và **kỹ năng thực hành nghề**, nhà trường tạo điều kiện để ôn tập bổ sung. Cụ thể:

+ **Phối hợp với Vụ Nhà Giáo – Tổng cục GDNN tổ chức ôn tập, kiểm tra lấy chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề (Công văn đề nghị tổ chức thi, DS giảng viên dự thi)**

+ **Phối hợp với các cơ sở GDNN, các trung tâm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Bộ LĐTBXH cho toàn bộ lực lượng CBNV và giảng viên nhà trường (3.3.03- *Hợp đồng bồi dưỡng Tin học - Ngoại ngữ - Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên*).**

- Số giảng viên đạt chuẩn trở lên về trình độ được đào tạo và nghiệp vụ sư phạm theo quy định, giảng viên dạy thực hành đạt chuẩn về kỹ năng thực hành nghề theo quy định, dạy cả lý thuyết và thực hành nghề hiện nay chiếm tỷ lệ 50 % tổng số giảng viên toàn trường. Tuy nhiên, mặc dù có các chính sách và tạo điều kiện, khuyến khích, động viên nhưng nhà trường chưa đảm bảo 100% giảng viên đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chủ yếu tập trung đối với một số giảng viên thỉnh giảng hiện nay. (3.3.04- **Báo cáo/ biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Tập thể cán bộ, nhân viên và giảng viên của trường đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công căn cứ theo các văn bản như: Quy chế tổ chức hoạt động trường, các nội quy, hướng dẫn, thông báo (3.4.01- *Quy chế tổ chức hoạt động trường*); (3.4.02- *Nội quy, quy định của trường*).

- Việc quản lý hồ sơ cán bộ, nhân viên và giảng viên đã được bổ sung cập nhật trong năm 2018 - 2019; (3.4.03- *Danh sách cán bộ, nhân viên, giảng viên*); (3.4.03- *Hồ sơ cán bộ, nhân viên, giảng viên*); (3.4.04- *Bản mô tả công việc cán bộ, nhân viên, giảng viên*).

- Việc tổ chức đánh giá, phân loại CBNV, GV được các phòng, khoa, trung tâm được thực hiện căn cứ theo quy định của nhà trường (3.2.05- *Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá CBNV hàng năm*); (3.2.06- *Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên*); (3.2.07- *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hàng năm các Khoa đều có lên kế hoạch đào tạo theo từng ngành nghề cụ thể. (3.5.01- *Kế hoạch đào tạo*).

- Hiện nay, nhà trường đủ số lượng giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng đảm bảo việc giảng dạy cho tất cả môn học, mô-đun, nghề trình độ trung cấp và cao đẳng. Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học hơn không ít hơn 30% tổng số giáo viên, giảng viên của trường Bảo đảm mỗi ngành, nghề giảng dạy trình độ cao đẳng có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên. (3.5.02- *Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng*).

- Giảng viên tại các khoa/bộ môn nghề của trường được đào tạo đúng chuyên ngành, do đó mỗi giáo viên đều giảng dạy được từ 2 đến 3 môđun/ môn học được bố trí ở 2 học kỳ khác nhau (3.5.03 - *Kế hoạch phân công giáo viên theo học kỳ trong trong năm*). Vì vậy trường đảm bảo được tất cả các môn học, mô-đun, nghề có đủ số lượng giảng viên. giáo viên đứng lớp.

- Tỷ lệ học sinh/ giáo viên được quy định theo nghị định số 143/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định tỷ lệ học sinh/ giảng viên là 25/1; Số lượng giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng là 130, so sánh với tiêu chuẩn Trường đảm bảo tỷ lệ học sinh/giáo viên theo quy định. (3.5.04- *Thống kê số lượng giáo viên, sinh viên quy đổi*).

- Căn cứ theo thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH và điều kiện thực tế của trường, nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng các chế độ làm việc dành cho giảng viên, giáo viên, nhà trường đã ban hành quy định đề hướng dẫn các khoa thực hiện (3.5.05- *Quyết định số 133/QĐ-CĐNDLSG, ngày 14/08/2017 Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên*); (3.5.06- *Bảng thống kê giờ giảng hàng năm*).

- Hàng năm, P.ĐT cùng các khoa chuyên môn tiến hành rà soát, kiểm tra đối với lực lượng giảng viên , giáo viên. Qua đó, có kế hoạch bồi dưỡng, bổ sung lực lượng giảng viên, giáo viên kịp thời, đảm bảo tiến độ đào tạo và chất lượng giảng dạy. (3.5.07- *Biên bản kiểm tra đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng đào tạo, tập thể giáo viên, giảng viên của trường đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo thời khóa biểu và được thể hiện cụ thể:

+ **Giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo (3.6.01- Chương trình đào tạo)**

+ Trước khi giảng dạy giáo viên đều phải thực hiện đầy đủ các biểu mẫu theo quy định. (3.6.02- **Kế hoạch đào tạo cho từng nghề theo học kỳ, năm học**); (3.6.03- **Danh sách giáo viên, giảng viên dạy mô đun, môn học theo học kỳ, năm học**); (3.6.04- **Thời khóa biểu**); (3.6.05- **Giáo án**); (3.6.06- **Sổ lên lớp**); (3.6.07- **Sổ tay giáo viên**).

- Ngoài ra, trường cũng có tổ dự giờ thường xuyên dự giờ các giáo viên, giảng viên lên lớp. Chính vì thế mà chất lượng giờ giảng của giáo viên, giảng viên luôn đảm bảo được yêu cầu chất lượng (3.6.08- **Phiếu đánh giá dự giờ**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, căn cứ vào quỹ dự chi và đề xuất dự chi hoạt động bồi dưỡng GV hàng năm của Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn. Sau khi được hội đồng quản trị thông qua và hiệu trưởng ký duyệt, P.ĐT cùng các khoa chuyên môn lập kế hoạch tổ chức các khóa bồi dưỡng, các chuyên đề năm bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ CBNV và giảng viên. (3.7.01- **Quy chế chi tiêu nội bộ**); (3.7.02- **Quy định nghiên cứu khoa học**); (3.7.03- **KH Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ CBNV, GV nhà trường**); (3.7.04- **KH Đào tạo bồi dưỡng GV PPGD theo chuẩn T.O.T**); (3.7.05- **Hợp đồng bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm năm 2018**); (3.7.06- **Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm**)

- Tại điều 19 của quy chế chi tiêu nội bộ của trường được cập nhật hàng năm quy định cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ, nhân viên, giảng viên:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên, giảng viên nhà trường được thực hiện theo kế hoạch hằng năm dựa trên đề xuất từ các phòng, khoa, trung tâm.

- Chế độ hỗ trợ, miễn giảm học phí đối với cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường được cử đi học được thực hiện theo bộ *Quy định Quản lý nhân sự* được cập nhật và ban hành hàng năm. Chế độ này sẽ được điều chỉnh và cập nhật khi có quy định mới thay thế.

- Đối với các lớp bồi dưỡng lấy chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ, nhân viên giảng viên cơ hữu, sau khi hoàn tất khóa học và được cấp chứng chỉ, nhà trường sẽ hỗ trợ 50% học phí căn cứ theo từng trường hợp cụ thể.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên của trường luôn được lãnh đạo nhà trường rất quan tâm. Căn cứ vào bảng dự trù kinh phí hàng năm đã được phê duyệt, P.ĐT và các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch, lập danh sách cử CBNV, giảng viên tham dự các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo các hướng: **đào tạo dài hạn, bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành nghề....**

(3.8.01- KH Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ CBNV, GV nhà trường); (3.8.02- Danh sách CBNV, giảng viên tham gia các khóa học bồi dưỡng hàng năm); (3.8.03- Các hợp đồng hợp tác đào tạo bồi dưỡng tin học - ngoại ngữ, NVSP cho CBNV, giảng viên nhà trường).

- Căn cứ theo theo bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề của dự án EU (phiên bản năm 2013), đồng thời qua các cuộc họp, các buổi sinh hoạt chuyên đề với các giảng viên đã được tham dự các khóa đào tạo của dự án về T.O.T (Trainer of trainer), Master of trainer (Tập huấn kỹ năng đào tạo) ... qua đó, Nhà trường đã và tiếp tục triển khai tổ chức các khóa bồi dưỡng phương pháp giảng dạy chú trọng ở các nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. **(3.8.04- Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng Phương pháp giảng dạy theo chuẩn T.O.T; Hình ảnh minh chứng);**

- Đồng thời, thường xuyên tổ chức các chuyên đề cho giảng viên nhà trường **(3.8.05- Kế hoạch tổ chức chuyên đề; Hình ảnh minh chứng).**

- Hàng năm nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, hỗ trợ 50% học phí **(3.8.06- Danh sách giảng viên học Nghiệp vụ sư phạm); (3.8.07 - Đề xuất hỗ trợ 50% học phí khi cán bộ nhân viên, giảng viên cơ hữu hoàn tất khóa học nghiệp vụ sư phạm).**

- Sau các khóa học, các khóa bồi dưỡng, giảng viên lập báo cáo, tổ chức họp chia sẻ những kiến thức và kỹ năng cần thiết đã được học với các giảng viên còn lại trong tổ bộ môn. **(3.8.08- Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Lực lượng giảng viên của trường đa phần đã có nhiều năm trong công tác giảng dạy và có nhiều kinh nghiệm thực tế trong ngành lữ hành và khách sạn - nhà hàng, trong đó có một số là cựu học sinh sinh viên của trường. Đây cũng là cầu nối giúp đưa các hoạt động đào tạo của trường đến gần và kết nối chặt chẽ với các doanh nghiệp (**3.9.01- Danh sách giảng viên công tác trong ngành; Giấy xác nhận đã và đang công tác tại doanh nghiệp du lịch**). Đồng thời, lực lượng này cũng là nguồn hỗ trợ đắc lực của nhà trường trong việc phối hợp đưa lực lượng giảng viên đến tham quan, học tập và chia sẻ kinh nghiệm tại các doanh nghiệp.

- Theo định kỳ hàng năm, các khoa chuyên môn đều có kế hoạch đề cử giảng viên, giáo viên tham gia thực tập thực tế tại doanh nghiệp **thông qua các biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường**, nhằm tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy (**3.9.02- Kế hoạch thực tập**); (**3.9.03- Quyết định, và danh sách các giảng viên tham gia thực tập**); (**3.9.04- Báo cáo kết quả thực tập**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên hiện nay được nhà trường thể hiện trong các biên bản họp tổng kết 06 đầu năm và họp tổng kết cuối năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa CBNV và GV nhà trường (**3.10.01- Biên bản họp Tổng kết**); (**3.10.02- Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật giáo dục nghề nghiệp và quyết định số 1305/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ký ngày 11/09/2015 về việc công nhận lại chức danh Hiệu trưởng trường CDN DLSG. Theo các điều, khoản này thì Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện (**3.11.01- Danh sách trích ngang của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**).

- Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng của trường đảm bảo đúng yêu cầu về trình độ được đào tạo, thâm niên công tác, và độ tuổi theo quy định của điều lệ trường cao đẳng nghề. (**3.11.02- Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**).

- Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý nhà trường. Trong thời gian làm lãnh đạo, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được tặng thưởng

những bằng khen, danh hiệu về cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển trường (**3.11.03- Báo cáo thành tích cá nhân, Bằng khen, danh hiệu của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**).

- Ban giám hiệu được đại đa số CBNV nhà trường tín nhiệm và đạt 100% số phiếu tín nhiệm (**3.11.04 - Nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường có đủ đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường (**3.12.01- Quy chế tổ chức hoạt động trường**). Tất cả các cán bộ quản lý đều được bổ nhiệm đúng theo quy trình quy định và đúng tiêu chuẩn (**3.12.02 - Các quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý**).

- Đội ngũ CBQL của trường luôn được nhà trường quan tâm tạo điều kiện học tập bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại các cán bộ quản lý của trường được bổ nhiệm từ chính các bộ phận mà cán bộ đã công tác, nên nắm chắc được nhiệm vụ chuyên môn của bộ phận mình quản lý. (**3.12.03- Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý**).

- Việc hướng dẫn đào tạo cho cán bộ trẻ tiếp nối những công việc về lâu về dài đã được đặt biệt chú tâm, trường đã có kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý kế cận. (**3.12.04- Quy hoạch cán bộ quản lý của trường đến 2020**); (**3.12.05- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý**).

- P.HCNS đã thực hiện đầy đủ các văn bản liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Tất cả đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất, trình độ đạt chuẩn chức danh theo quy định (**3.13.01- Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý**); (**3.13.02 - Hồ sơ cán bộ của Trưởng/Phó các đơn vị trong trường**); (**3.13.03- Nhận xét, đánh giá hàng năm đối với cán bộ quản lý**).

- Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác và các đơn vị trong trường đều hoàn thành nhiệm vụ được giao trong các năm qua (**3.13.04 - Báo cáo công tác của các đơn vị hàng năm**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại điều 19 của quy chế chi tiêu nội bộ của trường được cập nhật hàng năm quy định cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ, nhân viên, giảng viên:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên, giảng viên nhà trường được thực hiện theo kế hoạch hằng năm dựa trên đề xuất từ các phòng, khoa, trung tâm.

- Chế độ hỗ trợ, miễn giảm học phí đối với cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường được cử đi học được thực hiện theo bộ *Quy định Quản lý nhân sự* được cập nhật và ban hành hàng năm. Chế độ này sẽ được điều chỉnh và cập nhật khi có quy định mới thay thế.

- Đối với các lớp bồi dưỡng lấy chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ, nhân viên giảng viên cơ hữu, sau khi hoàn tất khóa học và được cấp chứng chỉ, nhà trường sẽ hỗ trợ 50% học phí căn cứ theo từng trường hợp cụ thể.

Vì vậy, Nhà trường luôn có kế hoạch tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: học cao học, học các lớp quản lý CS GDNN do Tổng cục GDNN tổ chức, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bên ngoài hoặc do nhà trường tổ chức... (3.14.01- *Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý*); (3.14.02 - *Danh sách các khóa bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, quản lý*); (3.14.03 - *Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của cán bộ được cử đi học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Để đảm bảo công tác đào tạo đạt hiệu quả và chất lượng ngoài yếu tố giảng viên, cơ sở vật chất, đội ngũ nhân viên, người lao động đã góp phần không nhỏ trong sự thành công của trường, vì vậy tất cả đội ngũ nhân viên của trường đủ về số lượng và cơ cấu chuyên môn, có năng lực phù hợp với các vị trí làm việc (3.15.01- *Danh sách trích ngang nhân viên của trường*); (3.15.02- *Báo cáo tổng kết của trường hàng năm*).

- Trường có đủ số lượng nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với các vị trí làm việc... Đối với đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường luôn được nhà trường khuyến khích học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. (3.15.03- *Danh sách nhân viên đã tham gia bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn*); (3.15.04- *Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên*); (3.15.05- *Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của nhân viên được cử đi học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4. Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình, giáo trình của các khoa được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng ngành, nghề cũng như phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động.

Các chương trình và giáo trình đào tạo của các khoa đều được điều chỉnh, bổ sung để cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giảng viên, giáo viên của nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Trường có các văn bản về tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình, giáo trình theo quy định.

Chương trình, giáo trình định được rà soát để điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở tham khảo tiếp thu ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp ...

Trường có đầy đủ các chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu đào tạo của từng ngành, nghề.

** Những tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục cập nhật các tiến bộ công nghệ để điều chỉnh, bổ sung nội dung của chương trình và giáo trình của từng ngành, nghề.

Tiếp tục cập nhật và tham khảo ý kiến của các giảng viên, các chuyên gia và các doanh nghiệp nhằm xây dựng một chương trình dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Từ nay đến 2020, Trường tiếp tục lập kế hoạch triển khai đến các Khoa, Tổ Bộ môn tổ chức biên soạn giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học thay thế các giáo trình bên ngoài đang sử dụng hiện nay.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0

Tiêu chuẩn 10	0
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường có đầy đủ chương trình đào tạo chi tiết cho tất cả các nghề được phép đào tạo đúng theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp **(4.1.01- GCN đăng ký HĐGDNN số 104, ngày 03/10/2019).**

- Các chương trình dạy nghề đã được Trường ra quyết định phê duyệt, ban hành **(4.1.02- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng); (4.1.03- QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp);**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Toàn bộ chương trình đào tạo của trường (theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN) đều đã được Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định phê duyệt và ban hành đáp ứng yêu cầu quy định tại **Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH đối với Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp**, thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH đối với Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng **(4.2.01- QĐ số 72 ngày 02/05/2019 Về việc Điều chỉnh và Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng); (4.2.02- QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp);**

- Trường đã tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, ban hành chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, cụ thể: có Quyết định thành lập Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo. **(4.2.03- QĐ số 62/QĐ-CDNDLSG ngày 12/04/2019 V/v thành lập Tổ biên soạn Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng);** Có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo **(4.2.04- QĐ số 70/QĐ-CDNDLSG ngày 28/04/2019 V/v thành lập Hội**

đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng); Có các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo (4.2.05- **Biên bản kiểm phiếu chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng);** (4.2.06- **Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường xây dựng đều có mục tiêu tổng quát của nghề thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn cần phải đạt; kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần phải rèn luyện trong lúc thực hành cũng như thực tế làm việc. Cấu trúc chương trình hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống trên cơ sở khung chương trình do Bộ LĐ-TB&XH ban hành theo thông tư số 16/2009/BLĐTBXH trước đây và thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH hiện nay (4.3.01- **Chương trình đào tạo chi tiết và quyết định ban hành chương trình đào tạo);** (4.3.02- **Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Công tác xây dựng, biên soạn chương trình dạy nghề đều được sự tham gia, đóng góp ý kiến từ các giảng viên, giáo viên, các bộ quản lý của các phòng khoa, bộ môn nhằm phát huy tính thực tế của chương trình, với hơn 50% thành viên là đối tượng nêu trên cùng tham gia xây dựng.

- Nhà trường cũng thường xuyên mời doanh nghiệp tham gia báo cáo các chuyên đề bổ sung kiến thức cho HSSV. Doanh nghiệp tham gia xây dựng đề cương thực tập, xây dựng các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn nhằm mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên công tác trong ngành tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, đưa công tác đào tạo gắn liền vào thực tiễn hoạt động tại các doanh nghiệp hiện nay.

(4.4.01- **Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên dạy nghề, chuyên gia tham gia từ các doanh nghiệp xây dựng chương trình);** (4.4.02- **Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình);** (4.4.03- **Biên bản họp của tổ biên soạn chương trình);** (4.4.04 - **Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình);** (4.4.05 - **Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã thực hiện tốt việc hợp tác với doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo. Đồng thời, thu thập ý kiến từ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên dạy nghề, HSSV và doanh nghiệp để từ đó hoàn thiện hơn nữa chất lượng dạy và học. Chính vì vậy: 100% chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định và có quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. **(4.5.01- Chương trình đào tạo chi tiết và quyết định ban hành chương trình); (4.5.02- Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng); (4.5.03- Phiếu khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về chương trình đào tạo); (4.5.04- Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng của trường đều được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trước đây và theo hướng dẫn của thông tư 03/2017/TT- LĐTBXH hiện nay, bảo đảm tính khoa học, hệ thống, thiết kế linh hoạt, phân khúc các khối kiến thức, kỹ năng nghề theo trình tự hợp lý, nội dung của chương trình đảm bảo tính liên thông trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp **(4.6.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo); (4.6.02- Danh mục các chương trình đào tạo).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Đủ phù hợp, đáp ứng với yêu cầu, điều kiện của doanh nghiệp và xã hội, căn cứ theo luật GDNN trong năm 2015, trường đã tổ chức thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số môn học, môn đụn trong chương trình đào tạo các ngành từ trung cấp đến cao đẳng.

- Trong năm 2017, 2019 căn cứ theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường tiếp tục tiến hành điều chỉnh, xây dựng và bổ sung hoàn thiện chương trình đào tạo, chương trình mô đụn, môn học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng **(4.7.01- Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương**

trình đào tạo); (4.7.02- Quyết định ban hành chương trình đào tạo); (4.7.03- Báo cáo/văn bản thể hiện kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo thông qua các lần chuyển đổi từ chương trình dạy nghề dài hạn sang chương trình dạy nghề trung cấp, cao đẳng. Từ năm 2009, một số nghề được xây dựng, điều chỉnh theo khung của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành. Đến năm 2010, tất cả các nghề đào tạo tại trường đều có chương trình khung theo chương trình của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

- Năm 2015, căn cứ theo luật GDNN, trường đã thực hiện việc tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số môn học, môn đùn trong chương trình đào tạo.

- Tiếp tục trong năm 2017, 2019 căn cứ theo thông tư 03/2017/TT- LĐTĐ, trường đã tiến hành xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng các ngành, quyết định 1981/QĐ-TTg 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ V/v phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, quyết định 1982/QĐ-TTg 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ V/v phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt nam.

- Do được tham gia Dự án phát triển nguồn nhân lực Du lịch Việt Nam (trong cả 02 giai đoạn 2006-2010, 2010-2015), nên được tài trợ các bộ tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành khách sạn, nhà hàng, nghiệp vụ lữ hành và hướng dẫn du lịch và giảng viên của trường được tham dự các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn với các chuyên gia đến từ Châu Âu. Vì vậy, nhà trường cũng linh hoạt vận dụng các nội dung của các bộ tiêu chuẩn này vào chương trình đào tạo các ngành, nghề và các môn học tại trường. Năm 2015, nhà trường tiếp tục được nhận 15 bộ giáo trình về các chuyên ngành kế toán, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và tiếng Anh ... do Dự án "Tăng cường năng lực nguồn nhân lực ngành Du lịch và Khách sạn Việt Nam" (là dự án thứ tư mà Luxembourg tài trợ không hoàn lại cho Việt Nam). Qua đó, nhà trường cũng triển khai cho các khoa chuyên môn và tổ bộ môn sử dụng bộ giáo trình này làm tài liệu tham khảo và giảng dạy cho sinh viên các ngành.

- Nhà trường đã tiến hành tổ chức các họp mặt, các buổi tọa đàm để tham khảo ý kiến với giảng viên bộ môn, các công ty du lịch, các khách sạn, nhà hàng (những đơn vị đón nhận sản phẩm của nhà trường) để cập nhật, nâng cao chất lượng tài liệu, bổ sung một số môn học cần thiết, xây dựng nên chương trình học hiệu quả, sát với thực tế để đáp ứng sản phẩm đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Ngoài ra, nhà trường cũng căn cứ bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và tiêu chuẩn kỹ năng nghề ASEAN, làm cơ sở cho việc cập nhật các chương trình đào tạo, xác định chuẩn đầu ra cho từng ngành, nghề cụ thể. **(4.8.01- Các quyết định ban hành ban hành chương trình đào tạo 2015, 2017, 2019); (4.8.02- Chương trình đào tạo chi tiết năm 2015, 2017, 2019) (4.8.03- Biên bản họp hội đồng thẩm định); (4.8.04- Danh mục các giáo trình - Dự án EU)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trước đây, Nhà trường đã có quyết định ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ dạy nghề, được cụ thể hoá theo Quyết định số 53/2008 của Bộ LĐ-TB&XH ngày 6/5/2008 về đào tạo liên thông, trong đó có quy định về định kỳ đánh giá công tác tổ chức đào tạo liên thông, quy định rõ điều kiện, đối tượng được liên thông giữa 03 cấp trình độ phù hợp với quy định của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội. ***(4.9.01- Chương trình đào tạo liên thông); (4.9.02- Quy định tổ chức đào tạo liên thông); (4.9.03- Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo liên thông).***

- Từ năm học 2014- 2015, trường không Tuyển sinh đào tạo liên thông.

- Đồng thời, trong năm 2017, căn cứ theo thông tư số 27/2017/TT-LĐTĐ của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành vào ngày 21/09/2017 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN và có hiệu lực bắt đầu từ tháng 11/2017. Vì vậy, Trường đã tiến hành rà soát, xây dựng và điều chỉnh lại quy định đào tạo liên thông và chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trung cấp nghề lên trình độ cao đẳng các ngành/ngành của trường như: Quản trị khách sạn và Hướng dẫn du lịch theo quy định của thông tư nêu trên. ***(4.9.04- QĐ số 72 ngày 02/05/2019 Về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trên cơ sở các tài liệu, giáo trình của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Dạy nghề biên soạn và các nguồn tài liệu tham khảo khác phục vụ cho công tác giảng dạy, trên cơ sở đề xuất của Khoa và tổ bộ môn, Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng các nguồn giáo trình, tài liệu phù hợp cho công tác giảng dạy cho từng môn học cụ thể. Thông qua đó, giảng viên xây dựng bài giảng theo quy định. Bên cạnh đó, do nhà trường được tham gia Dự án phát triển nguồn nhân lực Du lịch Việt Nam trong cả 02 giai đoạn (2006 - 2010 và 2010 - 2015), nên được tài trợ các bộ tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên ngành khách sạn, nhà hàng, nghiệp vụ lễ hành và hướng dẫn du lịch. Vậy nên, nhà trường cũng linh hoạt vận dụng các nội dung của các bộ tiêu chuẩn này vào chương trình đào tạo các nghề và các môn học tại trường.

- Năm 2015, nhà trường tiếp tục được nhận 15 bộ giáo trình về các chuyên ngành kế toán, lễ hành, khách sạn, nhà hàng và tiếng Anh ... do Dự án "Tăng cường năng lực nguồn nhân lực ngành Du lịch và Khách sạn Việt Nam" (là dự án thứ tư mà Luxembourg tài trợ không hoàn lại cho Việt Nam). Qua đó, nhà trường cũng triển khai

cho các khoa chuyên môn và tổ bộ môn sử dụng bộ giáo trình này làm tài liệu tham khảo và giảng dạy cho sinh viên các ngành. Đồng thời, nhà trường đã tiến hành tổ chức các họp mặt, các buổi tọa đàm để tham khảo ý kiến với giảng viên bộ môn, các công ty du lịch, các khách sạn, nhà hàng (những đơn vị đón nhận sản phẩm của nhà trường) để cập nhật, nâng cao chất lượng tài liệu, bổ sung một số môn học cần thiết, xây dựng nên chương trình học hiệu quả, sát với thực tế để đáp ứng sản phẩm đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường. **(4.10.01- GCN đăng ký HGDNN số 104, ngày 03/10/2019); (4.10.02- QĐ ban hành danh mục tài liệu, giáo trình giảng dạy; Phụ lục danh mục tài liệu, giáo trình giảng dạy).**

- Tuy nhiên, nếu xét theo từng môn học, môn đùn của từng chương trình đào tạo thì hiện nay trường chưa có đầy đủ **bản in** các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo của từng ngành, nghề cụ thể.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Căn cứ vào thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương Binh & Xã hội ký ngày 01/03/2017 v/v quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; **Căn cứ quyết định số 104/QĐ-CĐNDLSG ngày 02/05/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng các ngành: Quản trị khách sạn, Quản trị lễ hành, Hướng dẫn du lịch và Kỹ thuật chế biến món ăn; Căn cứ quyết định số 147/QĐ-CĐNDLSG ngày 05/09/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn về việc Ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học.**

- Trên cơ sở đó, nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, các nghề: Quản trị khách sạn; Quản trị lễ hành, Hướng dẫn du lịch và Kỹ thuật chế biến món ăn **(4.11.01- QĐ số 146/QĐ-CĐNDLSG, ngày 01/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).**

- Hội đồng cho ý kiến nhận xét, đánh giá về chất lượng các giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học đã được ban hành trước đây, cùng với các giáo trình, tài liệu, tham khảo bổ sung trong chương trình đào tạo được xây dựng trong năm 2016 - 2017, báo cáo kết quả để Hiệu trưởng xem xét, làm căn cứ ra quyết định phê duyệt, sử dụng. **(4.11.02- QĐ số 147/QĐ-CĐNDLSG, ngày 05/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc Phê duyệt và ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng); (4.11.03- Biên bản kết luận hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo hệ trung cấp và cao đẳng của nhà trường được xây dựng và điều chỉnh trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH trước đây và thông tư số 03/2017/TT-LĐTBXH hiện nay, nên trong quá trình tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, thể hiện trong các biên bản nghiệm thu giáo trình của nhà trường (4.12.01- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học*); (4.12.02- *Biên bản hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình*); (4.12.03- *QĐ số 147/QĐ-CĐNDLSG, ngày 05/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc Phê duyệt và ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*); (4.12.04- *Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, thể hiện trong các biên bản nghiệm thu giáo trình của nhà trường; (4.13.01- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học*); (4.13.02- *Biên bản hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình*); (4.13.03- *QĐ Phê duyệt và ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, cao đẳng*); (4.13.04- *Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường đã thực hiện việc thu thập những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ, giáo viên, HSSV về chất lượng tài liệu giảng dạy đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo thể hiện qua phiếu góp ý của HSSV tốt nghiệp về chất lượng giáo trình giảng dạy, nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, giảng viên về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo thông qua bảng hỏi khảo sát (4.14.01- *Phiếu khảo sát đánh giá của HSSV tốt nghiệp về chất lượng chương trình, giáo trình*); (4.14.02 - *Phiếu khảo sát đánh giá của cán bộ quản lý về chất lượng chương trình, giáo trình*); (4.14.03 - *Phiếu khảo sát đánh giá của giáo viên, giảng viên về chất lượng chương trình, giáo trình*); (4.14.04- *Phiếu khảo sát đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng chương trình, giáo trình*);

(4.14.05 - Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, giảng viên, HSSV và doanh nghiệp về chất lượng chương trình, giáo trình).

- Tuy nhiên, việc thực hiện thu thập ý kiến của các đối tượng nêu trên chưa được triển khai thực hiện đồng bộ và thường xuyên hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi có sự cập nhật, điều chỉnh CTĐT, Hội đồng thẩm định nhà trường chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung của từng chương trình môn học, mô đun, đảm bảo nguồn tài liệu, giáo trình đạt yêu cầu theo quy định, được thể hiện qua các biên bản nghiệm thu giáo trình, tập bài giảng, giáo án điện tử hoặc biên bản về việc lựa chọn giáo trình đã được biên soạn và ban hành trong và ngoài nước **(4.15.01- Danh sách chương trình đào tạo khi có sự thay đổi); (4.15.02- Biên bản họp hội đồng thẩm định); (4.15.03- QĐ ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm

3.2.5 TIÊU CHÍ 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn được xây dựng trên đường Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q.10 nằm trong nội ô Thành phố rất thuận tiện cho việc đi lại, học tập và giảng dạy của học sinh - sinh viên và giáo viên, giảng viên nhà trường.

Nhà trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo điều kiện làm việc và các hoạt động GDNN; có hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành,... đáp ứng quy mô đào tạo theo các nghề, trình độ đào tạo, trong đó các phòng thực hành đều đảm bảo về chất lượng và số lượng thiết bị. Ngoài ra, còn có các kho bảo quản, lưu giữ với các điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt các trang thiết bị, vật liệu.

*** Những điểm mạnh:**

Địa điểm của trường cao ráo, gần trung tâm thành phố, giao thông thuận tiện, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề.

Thiết bị dạy nghề đáp ứng quy mô đào tạo và đúng theo danh mục thiết bị dạy nghề do Bộ LĐTB&XH đã ban hành.

Có quy trình quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Vật tư thực tập đáp ứng đủ và kịp thời theo tiến độ giảng dạy và học tập.

*** Những tồn tại và kế hoạch:** Cơ sở vật chất còn phải thuê mượn bên ngoài. **Kế hoạch năm 2020, trường hoàn thiện toàn bộ TTB, DC đưa vào sử dụng tại tòa nhà Kỳ đồng; Nâng cấp các Phòng thực hành.**

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	11
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	0
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường được thành lập theo quyết định số 800/QĐ-LĐTĐ ngày 28/6/2010.
(5.1.01- Quyết định thành lập trường)

- Do trụ sở chính và cơ sở 1 nằm trên đường 01 chiều, xung quanh là nhà dân nên không ảnh hưởng bởi tiếng ồn, ô nhiễm môi trường, bảo đảm yên tĩnh an toàn cho giảng dạy và học tập. **(5.1.02- Hình ảnh trường được chụp từ Internet)**; Bên cạnh đó, đối diện trường và trụ sở làm việc của công an Quận 3 nên đảm bảo về trật tự và an toàn, an ninh. **Vì vậy, không có các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường.**

- Địa điểm của trường **thuận lợi cho các tuyến đường giao thông** và thuận tiện cho việc đi lại, học tập, giảng dạy của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và các hoạt động khác của trường, phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới

cơ sở GDNN (5.1.03 - *Thông tin hệ thống giao thông để đi đến trường (xe bus, đường, phố ...)*); (5.1.04 - *Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn quận 10*).

- Địa điểm của trường phù hợp Quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Mặt bằng tổng thể khuôn viên Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn được quy hoạch hợp lý, phù hợp các tiêu chuẩn thiết kế trường nghề, đảm bảo yêu cầu về giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan và đảm bảo chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên (5.2.01 - *Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 2 cơ sở*); (5.2.02- *Số liệu về diện tích khu đất trường, diện tích các công trình xây dựng*).

- Mật độ xây dựng công trình chiếm trên 30% diện tích khu đất toàn trường và Diện tích cây xanh chiếm < 30% diện tích khu đất toàn trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các khu hành chính, khu học tập, phòng thực hành, khu vệ sinh, ... được bố trí theo sơ đồ. Điều này chứng tỏ trường có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, chưa có khu vực ký túc xá, khu vực rèn luyện thể chất cho HSSV, đây là khó khăn chung đối với các trường ngoài công lập vì tự đầu tư quỹ đất tại khu vực nội thành chủ yếu sử dụng cho công tác đào tạo nghề. Hiện nay, nhà trường đã ký kết các hợp đồng dài hạn với nhà Cung văn hóa lao động Tp.Hồ Chí Minh và sân bóng đá Chảo lửa để tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất và tổ chức sự kiện cho HSSV các ngành. (5.3.01- *Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường đáp ứng đủ công suất sử dụng cho học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý, trong việc vận hành thiết bị thực hành, vận hành các phương tiện khác phục vụ cho việc điều hành, quản lý của tất cả các phòng, khoa.

Mặt bằng khuôn viên nhà trường được thiết kế hợp lý và đầy đủ các khối công trình với diện tích thiết kế, xây dựng đáp ứng đủ với quy mô đào tạo của Nhà trường. **(5.4.01- Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở).**

Hệ thống đường giao thông nội bộ của 2 cơ sở đều đảm bảo cho việc đi lại giữa các khu vực chức năng; có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy chuẩn.

Hệ thống điện được thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu dạy và học. (5.4.02- Sơ đồ hệ thống điện cho toàn trường)

Hệ thống cấp - thoát nước của nhà trường được thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh. Đối với nước uống cho học sinh tại các khu vực học tập, trường đã bố trí nước uống có hệ thống lọc, khử trùng. **(5.4.03- Sơ đồ hệ thống cấp, thoát nước)**

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường được thực hiện đúng theo thiết kế và được Công an Phòng cháy chữa cháy kiểm tra, công nhận. **(5.4.04- Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy của trường; Biên bản nghiệm thu; Biên bản kiểm tra công tác PCCC).**

Chất thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày bảo đảm cảnh quan, môi trường luôn sạch đẹp. Bên cạnh đó, nhà trường phân công tổ vệ sinh trực thuộc Phòng CSVC chịu trách nhiệm đảm bảo vệ sinh tại tất cả các khu vực toàn trường **(5.4.05- Hợp đồng- Biên nhận thu gom rác).**

Việc quản lý và sử dụng các công trình như phòng thực hành, phòng học lý thuyết, hội trường, được sử dụng đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để bảo đảm hoạt động bình thường. Bên cạnh đó, Kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng được thực hiện thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch của Phòng CSVC. **(5.4.06- QĐ 412/QĐ-CĐNDLSG ngày 04/11/2016 về Quản lý Bảo trì bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật); (5.4.07- Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật); (5.4.08- Báo cáo kết quả kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm).**

Bộ phận kỹ thuật và Phòng CSVC của trường chịu trách nhiệm kiểm tra và thực hiện bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, chức năng và công suất thiết kế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số lượng các phòng học lý thuyết đảm bảo 35 SV/phòng học, phòng máy tính và xưởng thực hành 18 SV/phòng học. Đồng thời, đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. **(5.5.01-**

Bảng thống kê các phòng học lý thuyết & phòng thực hành); (5.5.02- Danh mục trang thiết bị, dụng cụ các phòng lý thuyết và thực hành).

Hàng năm, Phòng Quản trị thiết bị và Cơ sở vật chất (P.CSVC) chịu trách nhiệm phối hợp với các khoa chuyên môn báo cáo và đánh giá về mức độ đáp ứng số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo. **(5.5.03- Báo cáo và đánh giá về mức độ đáp ứng số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý và sử dụng các công trình như nhà phòng thực hành, phòng học lý thuyết, hội trường, được sử dụng đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để bảo đảm hoạt động bình thường theo sự phân công quản lý. Các phòng học và phòng thực hành của trường được sử dụng vào mục đích phục vụ cho giảng dạy và học tập **(5.6.01- QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật); (5.6.02- Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.6.03- Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.6.04- Quy định quản lý phòng thực hành); (5.6.05- Danh mục trang thiết bị, dụng cụ các phòng lý thuyết và thực hành).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng học lý thuyết và phòng thực hành của trường được sử dụng vào mục đích phục vụ cho giảng dạy và học tập. Có quy định của trường về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thực hành. **(5.7.01- QĐ số 63/QĐ-CĐNDLSG ngày 19/04/2016 V/v Quản lý giao nhận chìa khóa và niêm phong (phòng học, làm việc...)); (5.7.02- Quy định quản lý phòng thực hành); (5.7.03- Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.7.04- Báo cáo về việc sử dụng phòng học, phòng thực hành).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị đào tạo là điều kiện quan trọng đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý. Các trang thiết bị đào tạo được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, đồng thời cũng đảm bảo về mặt hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế trên thị trường **(5.8.01- Danh mục thiết bị đào tạo, hồ sơ thiết bị); (5.8.02 - Bản kiểm kê thiết bị thực hành theo các nghề đào tạo). (5.8.03- Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hằng năm).**

Bên cạnh đó, Trường được “Dự án Phát triển nguồn Nhân lực Du lịch Việt Nam” do Tổng cục Du lịch Việt Nam và Ủy ban hợp tác Châu Âu (EU) công nhận trường là *Trung tâm thẩm định và Đào tạo cho Hệ thống tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam (VTOS)* và là 01 trong 02 trung tâm thẩm định tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh nói riêng **(trong 02 giai đoạn 2006 - 2010 và 2010 – 2015)**. Chính vì vậy, nhà trường đã lần lượt được tiếp nhận tăng cường các trang thiết bị chuyên ngành phục vụ hiện đại cho công tác quản lý và giảng dạy như: Phòng thực hành nghiệp vụ Lễ tân, nghiệp vụ Lữ hành, Nghiệp vụ Nhà hàng... **(5.8.04- Danh mục trang thiết bị đào tạo nghề do dự án EU tài trợ).**

Việc bổ sung trang thiết bị, dụng cụ thực hành trong những năm qua đã đáp ứng được cho việc dạy và học thực hành tại nhà trường. Tùy theo ngành nghề và qui mô đào tạo, các phòng thực hành, các phòng học chuyên môn. Số lượng thiết bị đáp ứng đủ cho các ca thực hành, đảm bảo số lượng HSSV thực hành theo đúng quy định. **(5.8.05- Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môn học); (5.8.06- Thời khóa biểu thể hiện việc bố trí phòng lý thuyết, thực hành của trường).**

Các trang thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật, phù hợp với các nghề mà nhà trường đang đào tạo **(5.8.07 - Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành).**

Hàng năm, Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát và tổng hợp ý kiến của giảng viên, HSSV và CBNV quản lý thiết bị đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung cho toàn bộ khuôn viên trường và riêng tại mỗi xưởng. **(5.9.01- Hồ sơ thiết kế, lắp đặt hệ thống điện, nước).**

Các trang thiết bị trong các Phòng thực hành được bố trí, sắp xếp hợp lý, khoa học rất thuận tiện cho việc đi lại và thực hành của HSSV, đồng thời đảm bảo cho việc vận hành sửa chữa, lắp đặt và thay thế. **(5.9.02- Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ thực hành); (5.9.03- Hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ thực hành).**

Các phòng thực hành được thiết kế với kiến trúc hiện đại, tỉ lệ hình khối hợp lý, màu sắc hài hòa bảo đảm các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ khoa học và sư phạm, có hệ thống thông gió, hệ thống ánh sáng đầy đủ; đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang

thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành (5.9.04 - Checklist kiểm tra TTB-DC thực hành); (5.9.05- Kết luận của trường đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong các phòng thực hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý và sử dụng các công trình như nhà phòng thực hành, phòng học lý thuyết, hội trường, được sử dụng đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để bảo đảm hoạt động bình thường theo sự phân công quản lý. Các phòng học và phòng thực hành của trường được sử dụng vào mục đích phục vụ cho giảng dạy và học tập.

(5.10.01- QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật); (5.10.02- Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.10.03- Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.10.04- QĐ số 23/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/03/2015 V/v ban hành Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị); (5.10.05- Quy định quản lý phòng thực hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý hồ sơ thiết bị đào tạo rõ ràng, sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường như: các máy móc, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất, đảm bảo tính đồng bộ của thiết bị. Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường (tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng) được quản lý và kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên đúng quy trình và theo định kỳ.

(5.11.01- Danh mục thiết bị đào tạo, hồ sơ thiết bị); (5.11.02- QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật); (5.11.03- Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.11.04- Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị); (5.11.05- QĐ số 23/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/03/2015 V/v ban hành Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị); (5.11.06- Quy định quản lý phòng thực hành); (5.11.07- Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hằng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo;

vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. Có văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; TTB-DC được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng; Có các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các khoa chuyên môn, tổ bộ môn liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo. (5.12.01- **Hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng TTB-DC phục vụ đào tạo**); (5.12.02- **Quy định quản lý phòng thực hành**).

Các báo cáo về công tác đánh giá định mức tiêu hao vật tư và công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm của trường chưa thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Thư viện nhà trường hoạt động từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần phục vụ cho giảng viên và HSSV nhà trường (5.13.01- **Nội quy thư viện**).

- Hiện tại thư viện trường có hơn 3.000 đầu sách. Với số lượng tài liệu hiện có tại thư viện nêu trên đáp ứng đủ nhu cầu tham khảo tài liệu cho số sinh viên theo học tại trường. Đồng thời, việc trang bị những tài liệu, giáo trình luôn được cập nhật để đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, HSSV. (5.13.02 - **Danh mục Giáo trình, tài liệu tham khảo bản in và file mềm**).

- Phần lớn GV và HSSV của trường đều được mượn tài liệu, giáo trình, sách về khoa nghiên cứu, nên thư viện không bị quá tải, lúc nào cũng có thể phục vụ GV và HSSV có nhu cầu. (5.13.03 - **Thống kê điện tích phòng học, phòng lưu trữ**).

- Tuy nhiên, chưa thực hiện mỗi loại giáo trình tối thiểu 05 bản in theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Thư viện hiện nay chỉ có một nhân viên vừa làm công tác quản lý, vừa làm công tác phục vụ bạn đọc nhưng luôn sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn cho học HSSV trong việc tìm, tham khảo tài liệu theo chuyên ngành riêng biệt, các loại bài giảng, tư liệu được phân loại giúp cho HSSV dễ dàng trong việc tìm kiếm mượn sách đọc tại chỗ (5.14.01- **Lịch làm việc của thư viện**); (5.14.02- **Bảng mô tả nhiệm vụ của nhân viên thư viện**); (5.14.03- **Quy trình thư viện dành cho bạn đọc**); (5.14.04- **Hướng dẫn tra cứu sách trên phần mềm**).

- Khi có sách mới, thư viện dán thông báo ngay trên facebook của thư viện và gửi thông báo về các Phòng/Khoa/Trung tâm của trường. Bên cạnh đó, các khoa chuyên môn phối hợp với thư viện trong việc photo các tài liệu, giáo trình cho HSSV. (5.14.05- *Thông báo và kế hoạch sách mới*). (5.14.06- *Danh mục sách mới*); (5.14.07- *Thông tin trên Facebook của thư viện*).

- Hàng năm, thư viện đề thực hiện việc khảo sát, tổng hợp ý kiến đánh giá của giảng viên, giáo viên và HSSV (5.14.08- *Bảng tổng hợp khảo sát và đánh giá của Giảng viên, HSSV về hoạt động thư viện*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Thư viện của trường có phần mềm quản lý thư viện để tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV có thể tìm và tra cứu tài liệu. (Sử dụng phần mềm quản lý thư viện “phân hệ VEMIS-LIBRARY 1.3.0” để quản lý và tra cứu tài liệu và thực hiện các dịch vụ phục vụ bạn đọc), (5.15.01- *Phần mềm Quản lý thư viện*).

- Thư viện chưa có phòng máy tính và danh mục thiết bị, máy tính hiện có.

- Chưa triển khai Thư viện điện tử có 100% giáo trình của trường.

- Dự kiến trong năm 2020, nhà trường tiếp tục triển khai hệ thống thư viện online và giao cho Khoa Lữ hành phụ trách quản lý, nhằm tạo điều kiện tối đa để HSSV có thể tra cứu, cập nhật các giáo trình, tài liệu quan trọng phục vụ cho ngành nghề mà HSSV đang theo học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 0 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên... Có 02 cấp độ hoạt động khoa học trong nhà trường: cấp Trường và cấp Khoa. Mục tiêu hoạt động nghiên cứu khoa học là tạo ra tri thức, giải pháp, sản phẩm mới; góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên, người học, nâng cao chất lượng đào tạo; Ứng dụng tri thức, sản phẩm, giải pháp mới phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp trong trường và góp phần phát triển tiềm lực khoa học và ứng dụng thực tế của nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Có những văn bản quy định khuyến khích cán bộ, giảng viên và giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học.

** Những tồn tại:*

Do mục tiêu tập trung vào công tác đào tạo nghề, chú trọng đến việc cập nhật, rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ trên từng môn học, môn đun của người học, nhằm mục đích sau khi hoàn tất CTĐT người học sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, nên hiện nay chưa có nhiều giáo viên, giảng viên của trường tham gia nghiên cứu khoa học cũng như tham gia viết bài báo khoa học.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới, tầm nhìn đến 2022, nhà trường sẽ xây dựng chính sách khuyến khích CBNV, GV tham gia nghiên cứu hợp tác quốc tế để nâng cao khả năng quản lý và giảng dạy, ngang tầm với khu vực. Điều chỉnh, cập nhật quy định nghiên cứu khoa học nhằm tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ CBNV, GV cùng tham gia và đẩy mạnh công tác NCKH của trường.

Nhà trường lập kế hoạch, tìm nguồn kinh phí hỗ trợ, làm việc với lãnh đạo Sở Du lịch để tham gia các đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn của trường và thời hạn cho giảng viên, giáo viên nghiên cứu khoa học công nghệ.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	2
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường đã ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn (**6.1.01- Quyết định số 24/QĐ-CĐNDLSG ngày 23 tháng 03 năm 2015**);

- Nhà trường đã xây dựng các nội dung cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, công bố rộng rãi đến lực lượng giảng viên cơ hữu về việc tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ về tài chính cho giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và tham gia các khóa học bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng nghề liên quan đến ngành, nghề giảng dạy. Sau các khóa học, giảng viên lập báo cáo, tổ chức họp chia sẻ những kiến thức và kỹ năng cần thiết đã được học với các giảng viên còn lại trong tổ bộ môn. (**6.1.02- Quy chế chi tiêu nội bộ**).

- Năm 2013 và 2018, Khoa Lữ hành tổ chức các chuyên đề về Phương pháp nghiên cứu khoa học cho lực lượng giảng viên, giáo viên thuộc khoa (**6.1.03- Kế hoạch tổ chức chuyên đề về phương pháp nghiên cứu khoa học**).

- Năm 2017, Tổ chức chuyên đề “Phương pháp soạn câu hỏi trắc nghiệm” dành cho CBNV và giảng viên của trường.

- Năm 2019, Tiếp tục tổ chức chuyên đề “Biên soạn câu hỏi thi và xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm” với số lượng 44 giảng viên tham dự.

- Năm 2019, Tổ chức họp BGH và lãnh đạo các Phòng, khoa, trung tâm về việc lắng nghe các ý kiến đề xuất, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ cho các hoạt động đào tạo. Cụ thể:

+ Đã thống nhất đề xuất và duyệt kinh phí cho P.ĐT tiếp tục nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo với các nội dung, tính năng “thông minh” giúp HSSV có thể truy cập và đăng ký các nội dung liên quan đến học tập. Đối với giảng viên, mỗi buổi học giảng viên có thể truy cập vào tài khoản để chọn nội dung cơ bản của từng buổi học, ngày học theo thời khóa biểu đã được phê duyệt; đồng thời theo dõi, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên; ghi điểm của học sinh, sinh viên, toàn bộ dữ liệu này được lưu và liên kết với phần mềm quản lý đào tạo của trường. Khi cần thiết có thể vào phần mềm để xem và trích xuất thành văn bản, điều này sẽ giảm thiểu tối đa các văn bản, giúp nhà trường và giảng viên linh hoạt trong công tác quản lý hành chính nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy hiện nay.

+ Đã thống nhất đề xuất và duyệt kinh phí cho P.HCNS đầu tư phần mềm Quản lý văn thư lưu trữ để quản lý toàn bộ hệ thống văn bản của trường hiện nay.

- Bên cạnh đó, nhà trường luôn động viên và tạo điều kiện cho GV hoàn tất bậc học cao hơn (**6.1.04- Luận văn thạc sỹ, Tiến sỹ**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Ban giám hiệu, giảng viên nhà trường thường xuyên tham gia viết tham luận và các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực đào tạo, phát triển du lịch tại các địa phương. Đồng thời, là thành viên của các hội đồng thẩm định kỹ năng nghề và là giám khảo các cuộc thi kỹ năng nghề toàn quốc.

- Tổ bộ môn Cơ sở cơ bản - Khoa Lữ hành đã xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “*Xây dựng sản phẩm du lịch dựa trên giá trị văn hóa các dân tộc ở An Giang*”.

- Các lãnh đạo của trường đã tham gia viết tham luận tại các hội thảo do Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức, đồng thời phối hợp với các Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tại các tỉnh, tổ chức các buổi tọa đàm liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, cụ thể: Tọa đàm “Liên kết phát triển sản phẩm du lịch vùng Đồng Tháp Mười giữa ba tỉnh Long An - Tiền Giang -

Đồng Tháp”; tham gia viết tham luận/phát biểu tại các Hội thảo cho Dự án Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười tại khu di tích Gò Tháp, Trà Vinh, Bến Tre & An Giang.

- Trường có danh sách đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên và hồ sơ thuyết minh các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hàng năm.

- Tuy nhiên, chưa thực hiện thường xuyên về việc hàng năm có ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có danh sách các bài báo, ấn phẩm của cán bộ quản lý, giảng viên đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước. Tuy nhiên, hàng năm, trường chưa đạt ít nhất 2 bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Các sáng kiến cải tiến của nhà trường luôn phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển của xã hội, đáp ứng với điều kiện và nhu cầu của doanh nghiệp, các sáng kiến cải tiến hiện nay tập trung ở công tác xây dựng, bổ sung chương trình môn học, môn đun, Phương pháp giảng dạy, tư vấn - setup mô hình hoạt động, quản lý và tái đào tạo chuẩn hóa nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng.... Tuy nhiên, chưa có nhiều văn bản để minh chứng nội dung nêu trên.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường không liên tục tính đến thời điểm đánh giá.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường được “Dự án Phát triển nguồn Nhân lực Du lịch Việt Nam” do Tổng cục Du lịch Việt Nam và Ủy ban hợp tác Châu Âu (EU) công nhận trường là *Trung tâm thẩm định và Đào tạo cho Hệ thống tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam (VTOS)*. Chính

vì vậy, từ năm 2006 - 2015, với sự hỗ trợ của Dự án Phát triển nguồn Nhân lực Du lịch Việt Nam, cán bộ giảng viên nhà trường được tham dự các khóa bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn do dự án tổ chức. Đồng thời, cũng là địa điểm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên các trường, các doanh nghiệp tại khu vực phía nam khi dự án EU triển khai. **(6.5.01- Các văn bản, Công văn của dự án về việc cử giảng viên tham gia khóa học); (6.5.02- Giấy chứng nhận của dự án sau khi giảng viên hoàn tất khóa học).**

Bên cạnh đó, trường có rất nhiều các hoạt động trao đổi, các biên bản ghi nhớ được ký kết giữa 02 bên về hợp tác quốc tế, đơn cử trong các năm qua:

- **Trường Stenden University, Hà Lan** - trao đổi chương trình đào tạo với trường Stenden để liên kết đào tạo ngành Quản trị khách sạn. Nội dung và mục tiêu hợp tác: xây dựng chương trình học (4 năm) trong đó sinh viên học 2 năm tại trường, 2 năm tại Stenden, theo chương trình của trường ĐH Stenden. Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên đạt được bằng B.A theo tiêu chuẩn của Hà Lan.

- **Trường R.O.C Zeeland, Hà Lan** - Nội dung và mục tiêu hợp tác: hướng tới xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên theo tiêu chuẩn đào tạo kỹ năng nghề của R.O.C Zeeland. Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên được cấp chứng chỉ nghề theo tiêu chuẩn của Hà Lan song song với bằng trung cấp nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hiện đang chờ chính phủ Hà Lan tài trợ cho dự án hỗ trợ ngành Bếp Âu giữa R.O.C Zeeland và trường DLSG.

- **Trường IHTTI Thụy Sĩ** - Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn - Nội dung và mục tiêu hợp tác: Trường IHTTI công nhận kết quả đào tạo của học viên trường DLSG: học viên sau 3 năm học tại trường DLSG chỉ cần học thêm 1 năm nữa tại IHTTI Thụy Sĩ để lấy bằng B.A theo tiêu chuẩn của Thụy Sĩ.

(6.5.03- Các Biên bản ghi nhớ); (6.5.04- Hình ảnh minh họa).

- Trong năm 2018 - 2019, Nhà trường từng bước triển khai công tác hợp tác quốc tế, giúp sinh viên có cơ hội học và làm việc tại các quốc gia khác thông qua các buổi làm việc, trao đổi tham khảo về chương trình đào tạo, cách thức liên kết đào tạo v.v...với các đoàn Hiệp hội khách sạn/Hiệp hội nghề các nước: Dehoga Sachsen Anhalt e.V. (Đức); Giáo dục nghề nghiệp Anh; Hội thảo tiêu chuẩn ABET - Hoa Kỳ, trường City of Glassgow (Anh) ...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7 TIÊU CHÍ 7. Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực. Về công tác quản lý tài chính Trường đã xây dựng và ban hành Bộ quy định Tài chính - Kế toán; Quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở pháp lý trong việc thu chi. Trong quá trình thực hiện Trường luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước và quản lý chặt chẽ các nội dung thu, chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành của Nhà nước và của nhà trường đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm và phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển của nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Hàng năm phòng TCKT luôn lập dự toán thu, chi thông qua Kế toán trưởng và Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

Về công tác quyết toán tài chính, Nhà trường đang sử dụng phần mềm kế toán MiSa 2015 về chế độ kế toán theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số: 200/2015/TT-BTC từ đó việc thực hiện công tác tài chính kế toán luôn kịp thời đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác.

Đồng thời, đăng ký sử dụng dịch vụ tại Thư viện pháp luật online để thường xuyên cập nhật đầy đủ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán của Trường. Cuối năm có báo cáo công khai tài chính minh bạch trong CBNV toàn trường. Đồng thời Quy chế chi tiêu nội bộ được công bố công khai và cập nhật góp ý chỉnh sửa hàng năm, nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, không ngừng nâng cao mức thu nhập cho CBNV, GV của trường.

** Những tồn tại:*

Do giá cả thị trường liên tục biến động nên việc lập dự toán về thu, chi tài chính chưa sát với giá cả của thị trường theo từng thời điểm thực tế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phòng TCKT và phòng CSVC tích cực liên hệ với các doanh nghiệp để có cập nhật giá cả thị trường nhằm hỗ trợ cho công tác lập dự toán chính xác hơn.

Nhà trường có kế hoạch phối hợp tất cả các phòng, khoa chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng ngành nghề đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	5
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực. Về công tác quyết toán tài chính, Nhà trường đang sử dụng phần mềm kế toán MiSa 2015 về chế độ kế toán theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số: 200/2015/TT-BTC từ đó việc thực hiện công tác tài chính kế toán luôn kịp thời đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Đồng thời, đăng ký sử dụng dịch vụ tại Thư viện pháp luật online để thường xuyên cập nhật đầy đủ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán của Trường.

Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài chính theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm tại đơn vị **(7.1.01- Bộ quy định Tài chính - Kế toán); (7.2.02- Quy chế chi tiêu nội bộ).**

- Để đảm bảo sử dụng nguồn tài chính đúng mục đích, hàng năm trường luôn xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể rõ ràng. Căn cứ để xây dựng kế hoạch tài chính là dựa vào việc phân tích tình hình thực hiện của năm trước, chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm hiện hành, nhu cầu hoạt động của các phòng, Khoa.

- Từ đầu năm Phòng Tài chính - Kế toán đã tổng hợp và lập dự toán phân bổ sử dụng kinh phí trong năm cho toàn trường cụ thể: xây dựng dự toán kinh phí của năm hiện hành trong đó xác định rõ từng nội dung cụ thể theo khoản, mục nội dung khoản thu phản ánh được số liệu năm trước chuyển sang, nội dung khoản chi phản ánh rõ các chỉ tiêu sử dụng kinh phí cơ bản là: tiền lương, chi phí thường xuyên, trang thiết bị, dụng cụ thực hành nghề, liên kết đào tạo, mua sắm tài sản**(7.1.03- Kế hoạch thu - chi hàng năm); (7.1.04- Báo cáo công tác tài chính hàng năm).**

- Trường đã thực hiện công khai quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính căn cứ theo TT140/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của BTC hướng dẫn kế toán áp dụng cho các cơ sở ngoài công lập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Các nguồn thu từ học phí, lệ phí được thông báo rộng rãi cho người học qua các kênh thông tin thông báo bằng văn bản và trên trang web của trường. Đồng thời, Trường tổ chức công tác thu học phí, lệ phí theo đúng quy định đối với trường tư thục và sử dụng một cách có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. **(7.2.01- Quy định, thông báo mức học phí hàng năm).** Ngoài ra, trường còn có nguồn thu khác từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ như : Giữ xe; căn tin; liên kết đào tạo với các công ty, doanh nghiệp khác nhằm bổ sung nguồn kinh phí hoạt động tại trường **(7.2.02- Hợp đồng căn tin, hợp đồng giữ xe); (7.2.03- Các Hợp đồng hợp tác đào tạo).**

- Qua các minh chứng và số liệu cho thấy nhà trường có nguồn thu hợp pháp từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, dịch vụ... và có xu hướng phát triển hàng năm. **(7.2.04- Danh mục các nguồn thu từ hoạt động đào tạo).**

- Hệ thống quản lý tài chính của trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Phòng Tài chính - Kế toán lập báo cáo tài chính theo năm và ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị. **(7.2.05- Báo cáo tài chính hàng năm và Hồ sơ lưu trữ chuyên môn tại phòng Tài chính - Kế toán).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hàng năm, Trường căn cứ vào số lượng học sinh, sinh viên bình quân; chỉ tiêu tuyển sinh; các văn bản quy định về cải cách tiền lương; mức lạm phát và tình hình biến động của giá cả thị trường... để lập dự toán thu - chi ngân sách hàng năm. **(7.3.01- Kế hoạch tài chính hàng năm); (7.3.02- Tổng hợp kinh phí cho các hoạt động của trường hàng năm);**

- Trường tổ chức công tác thu học phí, lệ phí theo đúng quy định đối với trường tư thục và sử dụng một cách có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Ngoài ra, trường còn có nguồn thu khác từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ như : Giữ xe; căn tin; liên kết đào tạo với các công ty, doanh nghiệp khác nhằm bổ sung nguồn kinh phí hoạt động tại trường.

- Hệ thống quản lý tài chính của trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Phòng Tài chính - Kế toán lập báo cáo tài chính theo năm và ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị. **(7.3.03- Báo cáo tài chính hàng năm); (7.3.04- Hồ sơ lưu trữ chuyên môn tại phòng Tài chính - Kế toán); (7.3.05- Biên bản kiểm tra).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguồn kinh phí được phân bổ cho các hoạt động của trường theo đúng định mức, đúng quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **(7.4.01- Quy chế chi tiêu nội bộ)**. Nhà trường dựa vào kế hoạch, dự trù thực tế của các phòng, khoa, trung tâm để làm cơ sở phân bổ tài chính hợp lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động cho phép để chi tiêu theo nhu cầu thực tế hàng năm của các phòng, khoa, trung tâm **(7.4.02- Bảng dự trù kinh phí của các phòng, khoa, trung tâm hàng năm); (7.4.03- Phiếu thu, chi, các chứng từ thanh toán lưu trữ tại phòng TCKT); (7.4.04- Hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định); (7.4.05- Bộ quy định Tài chính - Kế toán).**

Nhà trường có các báo cáo tài chính được lập hàng năm, hệ thống sổ sách ghi chép các nhiệm vụ kinh tế phát sinh trong năm và công tác quyết toán thường xuyên tại trường và có bản công khai dự toán, quyết toán theo từng năm tài chính **(7.4.06 - Báo cáo công tác tài chính hàng năm);**

Nhà trường có chỉ tiêu đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính như: các báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu chi của nhà trường; Biên bản kiểm quỹ hàng tháng. **(7.4.07- Biên bản kiểm quỹ hàng tháng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hàng năm, Trường căn cứ vào kết quả tuyển sinh; các văn bản quy định về cải cách tiền lương; mức lạm phát và tình hình biến động của giá cả thị trường, đề xuất kinh phí hoạt động từ các phòng, khoa, trung tâm... để lập dự toán tài chính. **(7.5.01- Bảng dự trù kinh phí của các phòng, khoa, trung tâm hàng năm); (7.5.02- Dự toán kinh phí hàng năm).**

- Phòng TCKT của trường thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính đúng quy định; Có hồ sơ lưu trữ chứng từ theo chế độ kế toán - tài chính. Các chứng từ kế toán và sổ kế toán được lưu trữ phân theo tháng, năm rõ ràng và bảo quản tốt tại đơn vị **(7.5.03- Báo cáo tài chính năm); (7.5.04- Hồ sơ lưu trữ chứng từ kế toán hàng năm).**

- Nhà trường chỉ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Phòng TCKT thường xuyên tự kiểm tra chứng từ, lập báo cáo tài chính theo từng năm. Báo cáo trực tiếp cho hiệu trưởng và hội đồng quản trị nhà trường **(7.5.05- Biên bản kiểm quỹ hàng tháng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường có các báo cáo tài chính được lập hàng năm, hệ thống sổ sách ghi chép các nhiệm vụ kinh tế phát sinh trong năm và công tác quyết toán thường xuyên tại trường và có bản công khai dự toán, quyết toán theo từng năm tài chính...**(7.6.01- Kế hoạch thu - chi hàng năm); (7.6.02 - Báo cáo công tác tài chính hàng năm); (7.6.03 - Báo cáo tổng kết năm).**

- Nhà trường có chỉ tiêu đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính như: các báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu chi của nhà trường; Biên bản kiểm quỹ hàng tháng; ... **(7.6.04- Báo cáo về việc so sánh sử dụng nguồn tài chính hàng năm); (7.6.05- Biên bản kiểm quỹ hàng tháng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8 TIÊU CHÍ 8. Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

“Dịch vụ người học” được nhà trường rất quan tâm, đầu tư để phục vụ nhu cầu của người học trong quá trình đào tạo, như:

- **Bố trí hệ thống máy tính tại các tầng, trang bị hệ thống tivi tại khu vực tiền sảnh... đã mang lại những lợi ích thiết thực, phục vụ cho việc học tập của HSSV (HSSV có thể dễ dàng truy cập điểm cũng như các thông tin khác cần biết; để thông báo cho HSSV những thông tin mới cập nhật của nhà trường).**

- Trang bị hệ thống nước lọc tinh khiết (xử lý bằng tia cực tím) và các ghế nghỉ dọc hành lang các tầng.

- Nâng cấp và phủ sóng hệ thống wifi (công nghiệp) toàn bộ các khu vực của 02 tòa nhà, giúp HSSV có thể truy cập những thông tin cần thiết hỗ trợ trong công tác tự học, tự bồi dưỡng theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

- Xây dựng “căn tin” nhà trường theo mô hình hiện đại, giúp HSSV có thể ôn bài, trao đổi việc học tập sau các giờ học chính khóa.

- Khi HSSV vào nhập học theo thông báo trúng tuyển của trường, trường đã cung cấp những thông tin cần thiết cho học sinh, sinh viên qua buổi sinh hoạt đầu khóa như: chương trình học, thời gian học, học phí, thủ tục làm thẻ học sinh - sinh viên, những thông tin về trường, khoa chuyên môn v.v... Đồng thời, cũng được thể hiện qua các kênh thông tin khác như: trang Web của trường, Sổ tay sinh viên.

- Trường có bộ phận giới thiệu việc làm, là gạch nối giữa nhà trường - nơi đào tạo và các doanh nghiệp - nhà tuyển dụng. Ngoài việc giới thiệu việc làm cho các HSSV sau khi tốt nghiệp, nhà trường cũng hỗ trợ giới thiệu việc làm cho các HSSV đang theo học tại trường và HSSV có hoàn cảnh khó khăn, giúp HSSV có cơ hội kiếm thêm thu nhập để hỗ trợ cho việc học tập.

- Thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên nhằm mục đích: tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chất lượng dịch vụ và chất lượng đào tạo; hỗ trợ giúp đỡ học sinh sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn; hướng dẫn nhà trọ cho học sinh, sinh viên mới từ các tỉnh khác lên học tại thành phố; cung cấp thông tin về những chương trình khuyến mãi, hậu mãi, chương trình học cho HSSV đang học và cựu sinh viên; tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho HSSV và tổ chức các buổi chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng cho HSSV.

- Phối hợp thường xuyên với các doanh nghiệp tổ chức phỏng vấn, tuyển dụng HSSV trực tiếp tại trường, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo, các buổi chuyên đề về nghề nghiệp giữa doanh nghiệp và nhà trường... giúp cho HSSV của trường có cơ hội tiếp xúc, lắng nghe những kinh nghiệm, những tình huống thực tế trong công việc để từ đó rút kết kinh nghiệm cho bản thân, cũng như có kế hoạch chuẩn bị trước khi tốt nghiệp.

- Phát hành phiếu giảm học phí các khóa ngắn hạn cho HSSV đang học tại trường.

- Áp dụng dịch vụ nhắn tin qua điện thoại để báo nghỉ học đột xuất, thông báo các chương trình học mới, các chuyên đề HSSV tham gia để bổ sung thêm kiến thức ngoài chương trình học.

- **Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV và phụ huynh trong việc truy cập thông tin về tình hình học tập, kết quả học tập của từng cá nhân.**

** Những điểm mạnh:*

- Thường xuyên cập nhật và phát hành quyển Sổ tay HSSV hàng năm

- Hoạt động của trang web tạo thuận lợi cho việc tuyên truyền các thông tin đến với người học kịp thời.

- **Phần mềm quản lý đào tạo thuận lợi cho HSSV và phụ huynh trong việc truy cập thông tin về tình hình học tập, kết quả học tập của từng cá nhân.**

- Bên cạnh đó, việc giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp vẫn được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau tạo điều kiện cho HSSV tiếp xúc với doanh nghiệp và ngược lại.

** Những tồn tại và kế hoạch:*

Trường tiếp tục duy trì thực hiện quy định và cung cấp phổ biến công khai thông tin cần thiết về chương trình đào tạo trong các năm tiếp theo.

Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ, các dịch vụ hỗ trợ cho HSSV và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí cho HSSV.

Tiếp tục nâng cấp, bổ sung phần mềm quản lý đào tạo (CcsTrain) với các tiện ích và tính năng “thông minh” giúp cho cán bộ, nhân viên tăng cường khả năng quản lý quá trình đào tạo. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên ngoài việc có thể theo dõi và truy cập thông tin cá nhân về điểm danh môn học, kết quả học tập, học phícòn có thể giải quyết các nội dung khác liên quan đến công tác HSSV trên website của trường.

Duy trì và nâng cao hiệu quả một trong những mục tiêu xây dựng thương hiệu của trường là đào tạo ra có việc làm cho HSSV. Vì vậy, kế hoạch sắp tới, trường tiếp tục rà soát, cập nhật và nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện chặt chẽ các quy trình quản lý thực tập và GTVL của nhân viên phụ trách bộ phận thực tập và giới thiệu việc làm của các khoa chuyên môn. Đồng thời, phối hợp với doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh tổ chức nhiều chuyên đề hữu ích cho HSSV các ngành.

Trường sẽ phát huy hơn nữa nhiều hình thức trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp và mở rộng cổng thông tin thị trường lao động để cung cấp cho HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	8
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Đầu năm học, các khoa chuyên môn lập danh sách GVCN và lịch sinh hoạt đầu khóa hàng tuần cho từng lớp cụ thể cho tân sinh viên mới phổ biến nội quy, quy định của trường, phương pháp học tập, hướng dẫn truy cập trang web của trường... **và thông báo các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học (8.1.01- Nội dung sinh hoạt đầu khóa, nội quy, quy chế đào tạo của trường); (8.1.02- Thông báo về các chế độ chính sách đối với HSSV của nhà trường).** Ngoài ra, trường đã tiến hành phát sổ tay sinh viên cho từng em (8.1.03- Sổ tay học sinh sinh viên). Bên cạnh đó, nhằm giúp HSSV định hướng nghề nghiệp đồng thời hiểu rõ hơn về nghề học lựa chọn, trong buổi sinh hoạt khai giảng các khoa chuyên môn đã phát cho HSSV chương trình đào tạo (8.1.04- Chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo);

- Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cũng được trường thông tin đến HSSV trong buổi sinh hoạt đầu khóa và sinh hoạt GVCN. Đồng thời, trên Website của trường và cuốn sổ tay sinh viên phát cho các em đều đăng tải quy chế đào tạo, quy chế thi kiểm tra, đánh giá và xét tốt nghiệp. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp với GVCN các quy chế cũng được nhắc lại để các em thực hiện nghiêm túc cũng như các buổi họp ban cán sự lớp với các khoa chuyên môn (8.1.05- Biên bản sinh hoạt chủ nhiệm; Biên bản họp ban cán sự lớp). Và trước mỗi kỳ thi tốt nghiệp, P.Đào tạo đều tổ chức sinh hoạt trước khi thi tốt nghiệp cho HSSV (8.1.06- Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho HSSV thực hiện các thủ tục để hưởng các chính sách của nhà nước theo quy định. (8.2.01- **Thông kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với HSSV thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác).**

- Bên cạnh đó, nhà trường đã thực hiện một số các chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí cho HSSV như:

+ Thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên nhằm mục đích tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của HSSV về chất lượng dịch vụ và chất lượng đào tạo, hỗ trợ giúp đỡ HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hướng dẫn nhà trọ cho HSSV mới từ các tỉnh khác lên học tại Tp.Hồ Chí Minh. Cung cấp thông tin về những chương trình khuyến mãi, hậu mãi, chương trình học cho HSSV đang học và cựu sinh viên. Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho HSSV. Tổ chức các buổi chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng cho HSSV.

+ Phát hành phiếu giảm học phí các khóa ngắn hạn cho HSSV đang học tại trường

+ Trường có bộ phận giới thiệu việc làm, là gạch nối giữa nhà trường – nơi đào tạo và các doanh nghiệp – nhà tuyển dụng. Ngoài việc giới thiệu việc làm cho các học sinh, sinh viên (HSSV) sau khi tốt nghiệp, nhà trường cũng hỗ trợ giới thiệu việc làm cho các HSSV đang theo học tại trường và HSSV có hoàn cảnh khó khăn, giúp các em có

cơ hội kiếm thêm thu nhập để hỗ trợ cho việc học tập. Đây là cũng là cơ hội rất tốt cho các em tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

(8.2.02- Danh sách HSSV thuộc đối tượng ưu tiên: Họ tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách); (8.2.03- Báo cáo tổng kết hàng năm của trường về việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với HSSV thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách khác mà trường đã và đang áp dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng các quỹ học bổng/ giải thưởng hàng năm dành cho HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ và Sổ tay sinh viên của trường: **(8.3.01- Quy chế chi tiêu nội bộ); (8.3.02- Sổ tay sinh viên).**

- Các học bổng/ giải thưởng này được trao tặng cho các HSSV có kết quả học tập tốt, có những nỗ lực đáng kể được ghi nhận, có những hoạt động đóng góp hữu ích cho ngành Du lịch Việt Nam trong buổi lễ trao bằng tốt nghiệp và trong lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt nam hàng năm. **(8.3.03- Quyết định khen thưởng các nhân xuất sắc trong các kỳ tốt nghiệp; Danh sách khen thưởng).**

- Nhà trường cũng trao tặng giải thưởng, phần thưởng dành cho HSSV đạt thành tích xuất sắc trong kỳ tuyển sinh hàng năm các ngành trình độ Trung cấp và Cao đẳng nhằm động viên, khuyến khích, tạo động lực cho các bạn tân sinh viên trong việc học tập và lựa chọn đúng nghề nghiệp cho tương lai **(8.3.04- Quyết định khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong kỳ tuyển sinh; Danh sách khen thưởng).**

- Các nội dung tổng hợp và thể hiện trong Báo cáo tổng kết hàng năm của trường. **(8.3.05- Báo cáo tổng kết hàng năm của trường).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng các văn bản liên quan đến người học như thông báo tuyển sinh, Quy chế công tác HSSV, các chương trình hoạt động của hội sinh viên... trong đó nội dung các văn bản này thể hiện không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân...**(8.4.01- Thông báo tuyển sinh); (8.4.02- Quy chế công tác HSSV); (8.4.03- Các kế hoạch hoạt động của Hội sinh viên); (8.4.04- Báo cáo tổng kết hàng năm của trường).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hầu hết tất các cơ sở GDNN tư thực sử dụng nguồn thu từ học phí là chủ yếu để phục vụ cho các hoạt động đào tạo; không có được bất kỳ một sự đầu tư nào của Nhà nước về cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, để đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp, các cơ sở GDNN tư thực phải tự vận động, tự đầu tư tất cả từ đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng chương trình đào tạo, chủ động tìm kiếm các hỗ trợ từ bên ngoài.... Vậy nên, các cơ sở GDNN tư thực phải nỗ lực rất lớn, khéo léo trong vấn đề quản lý Thu-Chi thì mới có thể duy trì, phát triển và ngày một nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và nâng cao chất lượng công tác HSSV nói riêng.

- Bên cạnh đó, chưa có các chính sách thực sự hỗ trợ và tạo điều kiện về quỹ đất cho các cơ sở GDNN tư thực mở rộng diện tích để phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có việc đầu tư, xây dựng ký túc xá cho HSSV.

- Từ những khó khăn nêu trên nên trường chưa đầu tư xây dựng ký túc xá cho HSSV, vì quỹ đất tại khu vực nội thành chủ yếu sử dụng cho công tác đào tạo. Hiện nay, nhà trường đã làm việc và lập danh sách các nhà trọ lân cận, đồng thời, thông báo đến sinh viên ngay từ khi đăng ký xét tuyển, giúp sinh viên và gia đình ổn định việc lưu trú, đặc biệt là các trường hợp sinh viên các tỉnh khi tham gia học tập tại trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hạnh phúc, nhằm chuyển đổi và tăng cường việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe kịp thời cho HSSV của trường. Nhân viên phụ trách trực phòng y tế được có chuyên môn nghiệp vụ. ***(8.6.01- Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ y tế).***

- Trường có phòng y tế để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ và các phương tiện khám chữa bệnh cơ bản cho người học. ***(8.6.02 - Danh mục thiết bị y tế).*** Đồng thời, tuân thủ các báo cáo về công tác y tế của trường hàng năm ***(8.6.03- Báo cáo về công tác y tế).***

- Mặc dù trường tổ chức đấu thầu phục vụ căn tin. Tuy nhiên, “căn tin” nhà trường được xây dựng theo mô hình hiện đại, giúp học sinh sinh viên có thể ôn bài, trao đổi việc học tập sau các giờ học chính khóa. Chủ căn tin phải tuân theo giá cả được niêm yết cho sinh viên và chất lượng phục vụ do nhà trường quy định ***(8.6.04 - Hợp đồng phục vụ căn tin).*** Căn tin được UBND Quận 10 cấp giấy chứng nhận về Vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhân viên phục vụ căn tin cũng được phòng y tế UBND Quận 10 cấp giấy chứng nhận kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm ***(8.6.05 - Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm); (8.6.06- Đánh giá về công tác phục vụ nhà ăn).***

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ký kết các hợp đồng dài hạn với nhà Cung văn hóa lao động Tp.Hồ Chí Minh và sân bóng đá Chảo lửa để tổ chức các hoạt động rèn luyện thể chất và tổ chức sự kiện cho HSSV các ngành. **(8.7.01- Các hợp đồng nguyên tắc).**

Hàng năm, Hội sinh viên phối hợp với Đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức các phong trào hoạt động lành mạnh cho HSSV như: các phong trào hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào hoạt động xã hội từ thiện. Cụ thể:

Công tác văn nghệ, thể dục thể thao:

- Duy trì và phát triển các loại hình câu lạc bộ thể thao tại trường, tạo điều kiện cho HSSV được tham gia tập luyện và giao lưu, thi đấu các giải thể thao với hội cựu sinh viên, giảng viên và các đơn vị có liên kết đào tạo với trường như:

- Tổ chức Hội thao “Sức trẻ Du lịch Sài Gòn”.

- **Tổ chức các cuộc thi tài năng cho sinh viên các ngành cụ thể: Cuộc thi “Tìm kiếm tài năng Du lịch Sài Gòn”, cuộc thi “Hướng dẫn viên du lịch triển vọng”, “Rung chuông vàng” Cuộc thi “Sinh viên triển vọng - Nhân viên chào bán tour tương lai” (Best Tour Seller) ...**

Hoạt động xã hội, từ thiện:

- Phối hợp với phòng, khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động vì Xã hội và Môi trường cụ thể với các chương trình như: “Hành trình qua chín cửa sông - Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”; “Hành trình hướng về Cực Nam tổ quốc” và “Hành trình Vì những dòng kênh xanh tại Tp.HCM, kênh Nhiêu Lộc-Thị Nghè”... Chương trình “Vui tết thiếu nhi” cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Cần giờ, tham gia “Chiến dịch Mùa Hè Xanh” do Quận Đoàn Q.10 tổ chức, Tổng vệ sinh cuối năm “Mừng Đảng - Mừng Xuân” Ngày hội đi bộ đồng hành - gây quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”

- **Phối hợp với đoàn thanh niên, hội sinh viên tham gia hiến máu nhân đạo trong phòng trào “Hiến máu cứu người” do Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh tổ chức hàng năm.**

(8.7.02- Các kế hoạch tổ chức sự kiện, văn nghệ, thể dục thể thao); (8.7.03- Các kế hoạch tổ Hoạt động xã hội); (8.7.04- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội sinh viên); (8.7.05- Hình ảnh minh chứng); (8.7.06- Báo cáo đánh giá về tình hình an toàn tại trường hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Trường có bộ phận giới thiệu việc làm, là gạch nối giữa nhà trường – nơi đào tạo và các doanh nghiệp – nhà tuyển dụng. Ngoài việc giới thiệu việc làm cho các HSSV sau khi tốt nghiệp, Trường thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt, chuyên đề giữa doanh

ng nghiệp và sinh viên nhằm chia sẻ những điều cần lưu ý và những yêu cầu, điều kiện cần thiết để HSSV tốt nghiệp có thể chuẩn bị, đáp ứng ngay khi đến với doanh nghiệp. **(8.8.01- Kế hoạch tổ chức chuyên đề PP thực tập hiệu quả tại doanh nghiệp).**

- Bên cạnh đó, việc tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được cụ thể hóa trong nội dung chương trình Lễ trao bằng tốt nghiệp hàng năm, với sự tham gia của các doanh nghiệp lành hành, các khách sạn, nhà hàng ở các nội dung như: doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, tuyển dụng trực tiếp HSSV ngay sau khi kết thúc lễ trao bằng tốt nghiệp, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm và các điều kiện cần thiết của người lao động khi đến với doanh nghiệp.... **(8.8.02- Kế hoạch tổ chức chương trình lễ trao bằng tốt nghiệp); (8.8.03- Danh sách các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, tuyển dụng HSSV tốt nghiệp); (8.8.04- Thư mời các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng); (8.8.05- Danh sách HSSV tham gia phỏng vấn).**

- Đồng thời, hoàn thiện và áp dụng các quy trình khảo sát, lấy ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm. **(8.8.06- Quy trình khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phối hợp thường xuyên với các doanh nghiệp tổ chức phỏng vấn, tuyển dụng HSSV trực tiếp tại trường, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo, các buổi chuyên đề về nghề nghiệp giữa nhà trường và doanh nghiệp ... giúp cho HSSV của trường có cơ hội tiếp xúc có nhiều cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng, lắng nghe những kinh nghiệm, những tình huống thực tế trong công việc để từ đó rút kết kinh nghiệm cho bản thân, cũng như có kế hoạch chuẩn bị trước khi tốt nghiệp. **(8.9.01- Kế hoạch tổ chức chuyên đề tuyển dụng và GTVL); (8.9.02- Danh sách các doanh nghiệp tuyển dụng); (8.9.03- Báo cáo kết quả tổ chức).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9 TIÊU CHÍ 9. Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu:

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng là một trong những tiêu chí quan trọng góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nói riêng trong hoạt động GDNN nói chung, luôn được nhà trường quan tâm và từng bước khắc phục dần các điểm yếu kém trong những năm vừa qua.

*** Những điểm mạnh:**

Việc lắng nghe, thu thập ý kiến khách quan từ nhiều đối tượng về các chính sách mà nhà trường đã và đang thực hiện, giúp nhà trường cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

*** Những tồn tại:**

Chưa đẩy mạnh các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục rà soát cập nhật, bổ sung công tác giám sát, kiểm tra và đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của nhà trường, doanh nghiệp và HSSV, thích nghi với sự phát triển ngày càng cao của xã hội hiện nay.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	8
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bên cạnh việc đưa HSSV đến kiến tập, thực tập và làm việc tại doanh nghiệp thông qua các biên bản ghi nhớ, các thỏa thuận hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, doanh nghiệp tham gia kiểm tra, đánh giá năng lực của HSSV để lựa chọn các ứng viên phù hợp với yêu cầu và điều kiện tuyển dụng của doanh nghiệp... Nhằm tăng cường mối quan hệ nêu trên, đồng thời luôn luôn lắng nghe và kịp thời điều chỉnh CTĐT giúp cải thiện, nâng cao năng lực của HSSV sau khi tốt nghiệp, nhà trường đã **xây dựng quy trình khảo sát doanh nghiệp** và tiến hành khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp theo định kỳ hàng n. **(9.1.01- Quy trình khảo sát doanh nghiệp); (9.1.02- Kế hoạch khảo sát); (9.1.03- Đánh sách các doanh nghiệp); (9.1.04- bảng hỏi/ nhận xét của doanh nghiệp); (9.1.05- Báo cáo kết quả khảo sát các doanh nghiệp).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính

sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên nhà trường hàng năm, thông qua các hình thức như: phiếu khảo sát, phiếu góp ý, trao đổi trực tiếp các buổi họp giữa các phòng, khoa, trung tâm... nhằm tổng kết, đánh giá mức độ hài lòng của CBNV, GV về các chính sách mà nhà trường đang triển khai thực hiện. **(9.2.01- Kế hoạch khảo sát ý kiến của CBNV, GV đánh giá mức độ hài lòng về các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBNV và GV nhà trường); (9.2.02- Danh sách CBNV, GV được khảo sát hàng năm); (9.2.03- Phiếu khảo sát CBNV, GV); (9.2.04- Báo cáo kết quả khảo sát).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo, chất lượng giảng dạy phù hợp với nhu cầu xã hội, cũng như việc thực hiện các chính sách liên quan đến HSSV, nhà trường đã tiến hành thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến HSSV đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường thông qua các hình thức: **khảo sát bằng phiếu, khảo sát trực tuyến (online), phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại.** **(9.3.01- Kế hoạch khảo sát HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến HSSV); (9.3.02- Danh sách HSSV các ngành, nghề được khảo sát hàng năm); (9.3.03- Phiếu khảo sát HSSV); (9.3.04- Báo cáo kết quả khảo sát).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự kiểm định: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Về quy trình tự đánh giá: căn cứ theo Mục 2 thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội V/v Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN.

- Đồng thời, căn cứ công văn số: **453/TCĐN-KĐCL ngày 25/03/2019** của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trường cấp, trường cao đẳng năm 2019. Nhà trường đã tổ chức hướng dẫn các phòng, khoa, trung tâm và các cá nhân liên quan phụ trách tiến hành rà soát cập nhật, điều chỉnh các nội dung đáp ứng được các tiêu chí, tiêu

chuẩn theo quy định nêu trên. Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá và từng bước khắc phục, bổ sung các nội dung chưa phù hợp.

(9.4.01- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá); (9.4.02- Báo cáo tự đánh giá); (9.4.03- Tài liệu/ Hình ảnh minh chứng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để cụ thể hóa các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở kết quả tự đánh giá của năm trước phòng, khoa và các bộ phận, cá nhân phụ trách triển khai kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn của năm kế tiếp. Tuy nhiên, chưa đem lại kết quả như mong đợi.

Đồng thời, chưa triển khai thực hiện việc đánh giá ngoài, do còn hạn chế về kinh phí thực hiện.

(9.5.01- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá); (9.5.02- Báo cáo tự đánh giá).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các khoa chuyên môn đều có bộ phận giới thiệu việc làm được xây dựng các quy trình quản lý chặt chẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của người học và là gạch nối giữa nhà trường - nơi đào tạo và các doanh nghiệp - nhà tuyển dụng.

Toàn bộ thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp đều được Bộ phận giới thiệu việc thông tin đến cho sinh viên thông qua các hình thức: cập nhật trên website của trường, đăng tải bảng thông báo của Khoa chuyên môn và thông báo trên lớp học.

Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên với các doanh nghiệp tổ chức phỏng vấn, tuyển dụng HSSV trực tiếp tại trường, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo, các buổi chuyên đề về nghề nghiệp giữa doanh nghiệp và nhà trường... giúp cho HSSV của trường có cơ hội tiếp xúc có nhiều cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng, lắng nghe những kinh nghiệm, những tình huống thực tế trong công việc để từ đó rút kết kinh nghiệm cho bản thân, cũng như có kế hoạch chuẩn bị trước khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, việc tổ chức đưa HSSV thực tập tại các doanh nghiệp phân nào giúp HSSV tìm hiểu và tìm kiếm được việc làm thích hợp ngay sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện quy trình khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp (9.6.01- Quy trình khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp). Vì vậy, theo thống kê khảo sát Trường có tỷ lệ 80% HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

(9.6.02- Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV đã tốt nghiệp hàng năm). (9.6.03- Kế hoạch khảo sát SV sau tốt nghiệp); (9.6.04- Phiếu khảo sát SV sau tốt nghiệp); (9.6.05- Báo cáo kết quả khảo sát SV sau khi tốt nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

3.3. Bảng mã minh chứng:

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		QĐ số 800/QĐ-BLĐT BXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ký ngày 28/6/2010.
2			1.1.02		QĐ số 305/QĐ-TCDN-BLĐT BXH về việc phê duyệt điều làm Trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.
3			1.1.03		- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn. - Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG.
4			1.1.04		Kế hoạch hoạt động hàng năm của trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.
5			1.1.05		Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt nam đến 2020 và tầm nhìn đến 2030.
6			1.1.06		Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025
7			1.1.07		Phiếu đánh giá công nhận trung tâm thẩm định ký ngày 10/11/2007.
8			1.1.08		Các Hợp đồng với: Tuổi trẻ, Báo Giáo Dục.
9			1.1.09		Hợp đồng tham gia tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp với báo Giáo dục,
10			1.1.10		Trang web của trường, Mạng xã hội (facebook của trường)

11	1	2	1.2.01	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030).
12			1.2.02	Quy hoạch phát triển dạy nghề thành phố Hồ Chí Minh đến 2025.
13			1.2.03	Báo cáo của Sở Du lịch Tp.Hồ Chí Minh về tình hình hoạt động du lịch năm 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019.
14			1.2.04	Các kế hoạch tư vấn hướng nghiệp; Các hợp đồng tư vấn, đào tạo cho doanh nghiệp tại địa phương.
15			1.2.05	Các kế hoạch, thông báo của trường về việc tổ chức bồi dưỡng các khóa ngắn hạn.
16			1.2.06	Đề án thành lập trường
17			1.2.07	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.
18	1	3	1.3.01	Quyết định số 800/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.)
19			1.3.02	- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn. - Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG.
20			1.3.03	Quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm).
21			1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ
22			1.3.05	Một số quy định về quản lý hành chính nhân sự
23			1.3.06	Quy định tài chính kế toán.
24	1	4	1.4.01	Quy chế chi tiêu nội bộ qua các lần ban hành và sửa đổi, bổ sung.
25			1.4.02	Thông báo về việc cập nhật các Bộ

					Quy định, văn bản tài liệu đã ban hành.
26			1.4.03		Thông báo về việc Cập nhật Bộ Quy định Lưu trữ hồ sơ đặc thù từng phòng khoa.
27			1.4.04		Thông báo về việc Cập nhật bản mô tả công việc của cán bộ, nhân viên trường.
28	1	5	1.5.01		- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn. - Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG.
29			1.5.02		Quy định chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, khoa, trung tâm.
30			1.5.03		Báo cáo kết quả hoạt động theo quý, năm của các phòng, khoa.
31			1.5.04		Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm.
32	1	6	1.6.01		Quyết định số 1083/QĐ-LĐTĐ ký ngày 07/09/2010 về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.
33			1.6.02		QĐ số 660/QĐ-LĐTĐ ký ngày 26/05/2016 về việc công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 – 2020.
34			1.6.03		Quyết định số 366/QĐ-TCDN ngày 29/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề về việc kiện toàn hội đồng quản trị trường cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn nhiệm kỳ 2016 – 2020.
35			1.6.04		Các Quyết định thành lập các Hội đồng.
36			1.6.05		Quyết định thành lập các phòng,

					khoa, trung tâm.
37			1.6.06		Quy định chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, khoa, trung tâm.
38			1.6.07		Báo cáo kết quả hoạt động theo quý, năm của các phòng, khoa, trung tâm.
39	1	7	1.7.01		Quyết định số 38/QĐ – CĐNDLSG ngày 10/02/2018 về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng.
40			1.7.02		Kế hoạch số 10/KH-CĐNDLSG ngày 07/06/2018 về việc triển khai xây dựng quy trình hệ thống đảm bảo chất lượng
41			1.7.03		Sổ tay Đảm bảo chất lượng và 20 quy trình đảm bảo chất lượng.
42			1.7.04		Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng hàng năm.
43	1	8	1.8.01		Quyết định số 38/QĐ – CĐNDLSG ngày 10/02/2018 về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng.
44			1.8.02		Báo cáo công tác hàng năm của tổ đảm bảo chất lượng
45	1	9			
46	1	10	1.10.01		QĐ về việc công nhận BCH Công đoàn trường; Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Công đoàn.
47			1.10.02		Kế hoạch và Báo cáo hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, hội sinh viên qua các năm;
48			1.10.03		Giấy khen và các Quyết định khen thưởng.
49			1.10.04		Các hình ảnh minh chứng
50	1	11	1.11.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm
51			1.11.02		Thành lập Tổ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm
52			1.11.03		Thông báo gửi các phòng/khoa được kiểm tra
53			1.11.04		Biên bản Kiểm tra, giám sát đào tạo
54			1.11.05		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo theo kế hoạch

55			1.11.06		Thông báo dự giờ giảng viên; Phiếu dự giờ giảng viên
56			1.11.07		Thông báo V/v kiểm kê tài sản, TTB-DC theo định kỳ hàng năm
57			1.11.08		Biên bản kiểm kê tài sản, TTB - DC
58			1.11.09		Các biên bản kiểm quỹ hàng tháng
59			1.11.10		Các biên bản tự kiểm tra PCCC
60			1.11.11		Kế hoạch và biên bản tự diễn tập phòng cháy, chữa cháy của trường.
61			1.11.12		Hợp đồng xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo; Biên bản nghiệm thu; Biên bản bổ sung các tính năng của phần mềm
62	1	12			
63	2	1	2.1.01		GCN đăng ký HDGNNN số 104, ngày 03/10/2019.
64			2.1.02		- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; - QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng. - QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp.
65			2.1.03		Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng)
66	2	2	2.2.01		- QĐ số 178/QĐ-CĐNDLSG ngày 11/12/2018 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh. - QĐ số 74/QĐ-CĐNDLSG ngày 07/05/2019 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 178/2018/QĐ-CĐNDLSG.
67			2.2.02		Kế hoạch tuyển sinh hàng năm.
68			2.2.03		Thông báo tuyển sinh.
69	2	3	2.3.01		- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt giáo dục nghề nghiệp; - Phục lục 02 của TT05/2017, bảng đăng ký chỉ tiêu hàng năm.

70			2.3.02		- Quyết định thành lập HĐTS hàng năm; - Biên bản họp HĐTS hàng năm.
71			2.3.03		- Kế hoạch tuyển sinh; - Thông báo tuyển sinh; - Báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm.
72			2.3.04		- Quy trình xét tuyển sinh trong mùa cao điểm. - Quy trình xét tuyển trực tuyến (online)
73			2.3.05		Tờ rơi quảng cáo; Các hợp đồng đăng tin trên báo, các hợp đồng quảng cáo với Đài phát thanh truyền hình; Trang web của trường.
74			2.3.06		- Danh sách thí sinh trúng tuyển hàng năm; - Giấy báo trúng tuyển.
75			2.3.07		Cẩm nang Phòng Đào tạo.
76			2.3.08		- Biên bản họp xét tuyển của hội đồng tuyển sinh. - Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh
77			2.3.09		Quyết định công nhận trúng tuyển.
78			2.3.10		Giấy báo nhập học.
79			2.3.11		Báo cáo công tác tuyển sinh năm.
80	2	4	2.4.01		Chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng.
81			2.4.02		Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo các lớp ngắn hạn theo nhu cầu của doanh nghiệp.
82			2.4.03		Kế hoạch tổ chức các chuyên đề, kỹ năng cho sinh viên.
83	2	5	2.5.01		- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng. - QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
84			2.5.02		QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc

					Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp.
85			2.5.03		Danh sách các lớp, khóa học
86			2.5.04		Kế hoạch đào tạo hàng năm cho từng lớp học, khóa học, từng nghề do Hiệu trưởng phê duyệt.
87			2.5.05		Tiến độ đào tạo
88	2	6	2.6.01		Kế hoạch đào tạo; Tiến độ đào tạo; Kế hoạch giáo viên; Thời khóa biểu; Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên.
89			2.6.02		Quyết định về việc kiểm tra công tác hành chính liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo.
90			2.6.03		Phiếu khảo sát thu thập ý kiến đánh giá của người học về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo năm.
91	2	7	2.7.01		Kế hoạch đào tạo hàng năm
92			2.7.02		Biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.
93			2.7.03		Công văn gửi HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp.
94			2.7.04		Kế hoạch, Thông báo HSSV về các quy định khi đi thực tập tại các doanh nghiệp.
95			2.7.05		Quyết định về việc cử HSSV đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; DS HSSV thực tập tại doanh nghiệp
96			2.7.06		Phiếu đánh giá kết quả thực tập.
97			2.7.07		Báo cáo kết quả thực tập của học sinh sinh viên tại doanh nghiệp;
98			2.7.08		Các thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp.
99	2	8	2.8.01		Danh sách giáo viên, giảng viên đang áp dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực của các khoa.
100			2.8.02		Sổ lên lớp.
101			2.8.03		Giáo án lý thuyết, thực hành có thể hiện phương pháp dạy học nhằm

					tích cực hóa người học.
102			2.8.04		Sổ tay giáo viên.
103			2.8.05		Phiếu dự giờ giảng viên
104			2.8.06		Phiếu khảo sát và Bảng tổng hợp ý kiến của giảng viên, HSSV nhằm tổng kết, đánh giá phương pháp dạy hàng năm.
105	2	9	2.9.01		Hợp đồng xây dựng, nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo (Ccstrain); Hướng dẫn sử dụng; Biên bản nghiệm thu.
106			2.9.02		Bài giảng điện tử (Powerpoint) các môn học, môn đụn.
107			2.9.03		Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính.
108			2.9.04		Phần mềm quản lý khách sạn - Smile.
109	2	10	2.10.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm
110			2.10.02		Thành lập Tổ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo hàng năm
111			2.10.03		Thông báo gửi các phòng/khoa được kiểm tra
112			2.10.04		Biên bản Kiểm tra, giám sát đào tạo
113			2.10.05		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo theo kế hoạch
114			2.10.06		Phiếu dự giờ giảng viên.
115	2	11	2.11.01		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm.
116			2.11.02		Danh sách các hạng mục cần thay đổi & có biện pháp nâng cao / đề xuất để thay đổi, nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.
117			2.11.03		Các văn bản/Quy định...mới có kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học.
118			2.11.04		Quy trình chỉnh sửa, bổ sung CTĐT
119			2.11.05		Quy trình chỉnh sửa, bổ sung CT môn học/ mô đụn.
120			2.11.06		Biên bản họp hội đồng thẩm định

121			2.11.07		Quyết định điều chỉnh CTĐT, chương trình môn học, mô đun.
122	2	12	2.12.01		QĐ số: 99/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/06/2017 V/v ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn.
123			2.12.02		Cẩm nang Phòng Đào tạo.
124			2.12.03		Sổ tay sinh viên
125			2.12.04		QĐ số 196/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/02/2017 V/v quy định công tác quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ.
126	2	13	2.13.01		Thư mời doanh nghiệp tham gia chấm thi tốt nghiệp; tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Danh sách doanh nghiệp tham gia chấm thi TN.
127			2.13.02		Hợp đồng giảng dạy; Danh sách các giảng viên, chuyên gia của các doanh nghiệp tham gia giảng dạy tại trường; Giấy xác nhận công tác trong ngành.
128			2.13.03		Công văn gửi HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp.
129			2.13.04		Phiếu đánh giá kết quả thực tập.
130			2.13.05		Báo cáo kết quả thực tập của học sinh sinh viên tại doanh nghiệp.
131	2	14	2.14.01		Cẩm nang thư ký Khoa.
132			2.14.02		Bộ văn bản, tài liệu về công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn.
133			2.14.03		- QĐ số: 99/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/06/2017 V/v ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường. - QĐ số 196/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/02/2017 V/v quy định công tác quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ.
134			2.14.04		Cẩm nang phòng Đào tạo.

135			2.14.05		Báo cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp hàng năm.
136	2	15	2.15.01		Kế hoạch rà soát và cập nhật các quy định tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
137			2.15.02		Cẩm nang Phòng Đào tạo.
138			2.15.03		Báo cáo công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.
139	2	16	2.16.01		Chương trình đào tạo liên thông.
140			2.16.02		Kế hoạch đào tạo; Tiến độ đào tạo.
141			2.16.03		QĐ số 86 ngày 15/05/2017 về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
142	2	17	2.17.01		Cẩm nang Phòng Đào tạo, Cẩm nang thư ký Khoa.
143			2.17.02		Quy định về việc lưu trữ hồ sơ, backup dữ liệu của các Phòng, khoa, trung tâm.
144			2.17.03		Phần mềm quản lý Đào tạo.
145			2.17.04		Biên bản họp.
146	3	1	3.1.01		- Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG ngày 18/06/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn. - Quyết định số 118/QĐ-CĐNDLSG ngày 01/08/2019 v/v cập nhật Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-CĐNDLSG.
147			3.1.02		Kế hoạch số 03/KH-CĐNDLSG về việc Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường giai đoạn 2018 - 2020).
148			3.1.03		QĐ số 133/QĐ-CĐNDLSG, ngày 14/08/2017 Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên

149			3.1.04	Quyết định số 71/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/04/2017 Về việc ban hành Quy trình tuyển dụng nhân sự
150			3.1.05	Quy định quản lý nhân sự
151			3.1.06	Hướng dẫn quy hoạch CBQL giai đoạn 2018 - 2020
152			3.1.07	Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự.
153			3.1.08	Quy định Đánh giá, xếp loại CBNV; Kế hoạch thực hiện đánh giá cán bộ, nhân viên hàng năm; Tiêu chí đánh giá CBNV.
154			3.1.09	QĐ số: 117/QĐ-CĐNDLSG ngày 10/07/2017 V/v ban hành Quy định đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên.
155	3	2	3.2.01	Báo cáo việc tuyển dụng nhân sự.
156			3.2.02	Kế hoạch số 03/KH-CĐNDLSG về việc Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường giai đoạn 2018 – 2020,
157			3.2.03	Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm.
158			3.2.04	Báo cáo v/v Thực hiện Hướng dẫn Quy hoạch CB Quản lý giai đoạn 2018 – 2020.
159			3.2.05	Báo cáo Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại CBNV hàng năm.
160			3.2.06	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên.
161			3.2.07	Quy chế chi tiêu nội bộ.
162			3.2.08	Bảng xác định các chế độ, phúc lợi dành cho giáo viên, giảng viên.
163			3.2.09	Danh sách CBNV, GV được hưởng chế độ phúc lợi hàng năm.
164			3.2.10	Quyết định khen thưởng CBNV, GV hàng năm

165	3	3	3.3.01	Danh sách trích ngang giảng viên: họ tên, trình độ đào tạo, môn/môn học giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, ngoại ngữ.
166			3.3.02	Hồ sơ giảng viên
167			3.3.03	Hợp đồng bồi dưỡng Tin học - Ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm dành cho cán bộ, giảng viên.
168			3.3.04	Báo cáo/ biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo
169	3	4	3.4.01	Quy chế tổ chức hoạt động trường.
170			3.4.02	Nội quy, quy định của trường.
171			3.4.03	Danh sách cán bộ, nhân viên, giảng viên
172			3.4.04	Bản mô tả công việc cán bộ, nhân viên, giảng viên
173			3.4.05	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại CBNV hàng năm.
174			3.4.06	Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại giáo viên, giảng viên
175			3.4.07	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, nhân viên và giảng viên
176	3	5	3.5.01	Kế hoạch đào tạo.
177			3.5.02	Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng.
178			3.5.03	Kế hoạch phân công giáo viên theo học kỳ trong trong năm.
179			3.5.04	Thống kê số lượng giáo viên, sinh viên quy đổi.
180			3.5.05	QĐ số 133/QĐ-CDNDLSG, ngày 14/08/2017 Về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên.
181			3.5.06	Bảng thống kê giờ giảng hàng năm
182			3.5.07	Biên bản kiểm tra đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên.
183	3	6	3.6.01	Chương trình đào tạo
184			3.6.02	Kế hoạch đào tạo cho từng nghề,

					theo từng học kỳ, năm học.
185			3.6.03		Danh sách giáo viên, giảng viên dạy mô đun, môn học theo học kỳ, năm học.
186			3.6.04		Thời khóa biểu.
187			3.6.05		Giáo án.
188			3.6.06		Sổ lên lớp của giảng viên.
189			3.6.07		Sổ tay giáo viên.
190			3.6.08		Phiếu đánh giá dự giờ.
191	3	7	3.7.01		Quy chế cho tiêu nội bộ
192			3.7.02		Quy định nghiên cứu khoa học
193			3.7.03		KH Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên & CBNV nhà trường.
194			3.7.04		KH Đào tạo bồi dưỡng GV về PPGD theo chuẩn T.O.T.
195			3.7.05		Hợp đồng bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm năm 2018
196			3.7.06		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm.
197	3	8	3.8.01		KH Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên & CBNV nhà trường.
198			3.8.02		Danh sách CBNV, giảng viên tham gia các khóa học bồi dưỡng hàng năm.
199			3.8.03		Các hợp đồng hợp tác đào tạo bồi dưỡng tin học - ngoại ngữ, NVSP cho CBNV, giảng viên nhà trường.
200			3.8.04		Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng Phương pháp giảng dạy theo chuẩn T.O.T; Hình ảnh minh chứng.
201			3.8.05		Kế hoạch tổ chức chuyên đề; Hình ảnh minh chứng.
202			3.8.06		Danh sách giảng viên học NVSP.
203			3.8.07		Đề xuất hỗ trợ 50% học phí khi cán bộ nhân viên, giảng viên cơ hữu hoàn tất khóa học nghiệp vụ sư

					phạm).
204			3.8.08		Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng
205	3	9	3.9.01		Danh sách giảng viên công tác trong ngành; Giấy xác nhận đã và đang công tác tại doanh nghiệp du lịch.
206			3.9.02		Kế hoạch thực tập.
207			3.9.03		Quyết định, và danh sách các giảng viên tham gia thực tập.
208			3.9.04		Báo cáo kết quả thực tập
209	3	10	3.10.01		Biên bản họp Tổng kết.
210			3.10.02		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ, nhân viên nhà trường hàng năm.
211	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.
212			3.11.02		Hồ sơ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.
213			3.11.03		Báo cáo thành tích cá nhân, Bằng khen, danh hiệu của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.
214			3.11.04		Nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng
215	3	12	3.12.01		Quy chế tổ chức hoạt động trường
216			3.12.02		Các quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý.
217			3.12.03		Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý.
218			3.12.04		Quy hoạch cán bộ quản lý của trường đến 2020.
219			3.12.05		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý.
220	3	13	3.13.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý
221			3.13.02		Hồ sơ cán bộ của Trường/Phó các đơn vị trong trường;
222			3.13.03		Nhận xét, đánh giá hàng năm đối

					với cán bộ quản lý
223			3.13.04		Báo cáo công tác của các đơn vị hàng năm.
224	3	14	3.14.01		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý.
225			3.14.02		Danh sách các khóa bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, quản lý.
226			3.14.03		Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của cán bộ được cử đi học.
227	3	15	3.15.01		Danh sách trích ngang nhân viên của trường.
228			3.15.02		Báo cáo tổng kết của trường hàng năm.
229			3.15.03		Danh sách nhân viên đã tham gia bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn hàng năm.
230			3.15.04		Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.
231			3.15.05		Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của nhân viên được cử đi học.
232	4	1	4.1.01		GCN đăng ký HĐGDNN số 104, ngày 03/10/2019).
233			4.1.02		- QĐ số 86 ngày 15/05/2017 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; - QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng. - Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng.
234			4.1.03		QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp.
235	4	2	4.2.01		QĐ số 72 ngày 02/05/2019 V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng;
236			4.2.02		QĐ số 81 ngày 01/06/2016 Về việc Ban hành chương trình đào tạo

				trình độ sơ cấp.
237			4.2.03	QĐ số 62/QĐ-CDNDLSG ngày 12/04/2019 V/v thành lập Tổ biên soạn Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
238			4.2.04	QĐ số 70/QĐ-CDNDLSG ngày 28/04/2019 V/v thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
239			4.2.05	Biên bản kiểm phiếu chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
240			4.2.06	Biên bản Hội đồng thẩm định định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
241	4	3	4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết và quyết định ban hành chương trình.
242			4.3.02	Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng.
243	4	4	4.4.01	Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên dạy nghề, chuyên gia tham gia từ các doanh nghiệp xây dựng chương trình.
244			4.4.02	Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình.
245			4.4.03	Biên bản họp của tổ biên soạn chương trình.
246			4.4.04	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình.
247			4.4.05	Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình.
248	4	5	4.5.01	Chương trình đào tạo chi tiết và quyết định ban hành chương trình.
249			4.5.02	Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng.
250			4.5.03	Phiếu khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về chương trình đào tạo
251			4.5.04	Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo
252	4	6	4.6.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo.

253			4.6.02		Danh mục các chương trình dạy nghề.
254	4	7	4.7.01		Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.
255			4.7.02		Quyết định ban hành chương trình.
256			4.7.03		Báo cáo/văn bản thể hiện kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo.
257	4	8	4.8.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo 2015, 2017, 2019.
258			4.8.02		Chương trình đào tạo chi tiết năm 2015, 2017, 2019
259			4.8.03		Biên bản họp hội đồng thẩm định
260			4.8.04		Danh mục các giáo trình - Dự án EU.
261	4	9	4.9.01		Chương trình đào tạo liên thông.
262			4.9.02		Quy định tổ chức đào tạo liên thông.
263			4.9.03		Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo liên thông.
264			4.9.04		QĐ số 72 ngày 02/05/2019 Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng; Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp, cao đẳng.
265	4	10	4.10.01		GCN đăng ký HĐGDNN số 104, ngày 03/10/2019.
266			4.10.02		QĐ ban hành danh mục tài liệu, giáo trình giảng dạy.
267	4	11	4.11.01		QĐ số 146/QĐ-CĐNDLSG, ngày 01/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, các nghề: Quản trị khách sạn; Quản trị lễ hành, Hướng dẫn du lịch và Kỹ thuật chế biến món ăn.
268			4.11.02		QĐ số 147/QĐ-CĐNDLSG, ngày 05/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc Phê duyệt và ban

					hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành Quản trị khách sạn, Quản trị lễ hành, Hướng dẫn du lịch và Kỹ thuật chế biến món ăn.
269			4.11.03		Biên bản kết luận hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy.
270	4	12	4.12.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.
271			4.12.02		Biên bản hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình.
272			4.12.03		QĐ số 147/QĐ-CĐNDLSG, ngày 05/09/2017 của trường CĐN DLSG về việc Phê duyệt và ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
273			4.12.04		Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học.
274	4	13	4.13.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.
275			4.13.02		Biên bản hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình.
276			4.13.03		QĐ Phê duyệt và ban hành danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học trình độ trung cấp, cao đẳng.
277			4.13.04		Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo dạy và học.
278	4	14	4.14.01		Phiếu khảo sát đánh giá của HSSV về chất lượng chương trình, giáo trình.
279			4.14.02		Phiếu khảo sát đánh giá của cán bộ, giáo viên, giảng viên về chất lượng giáo trình dạy nghề.
280			4.14.03		Phiếu khảo sát đánh giá của giáo viên, giảng viên về chất lượng chương trình, giáo trình.
281			4.14.04		Phiếu khảo sát đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng chương trình, giáo trình.

282			4.14.05		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, giảng viên, HSSV và doanh nghiệp về chất lượng chương trình, giáo trình.
283	4	15	4.15.01		Danh sách chương trình đào tạo khi có sự thay đổi.
284			4.15.02		Biên bản họp hội đồng thẩm định
285			4.15.03		QĐ ban hành danh mục tài liệu, giáo trình giảng dạy.
286	5	1	5.1.01		QĐ thành lập trường
287			5.1.02		Hình ảnh trường được chụp từ Internet.
288			5.1.03		Thông tin hệ thống giao thông để đi đến trường (xe bus, đường, phố...).
289			5.1.04		Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn quận 10.
290	5	2	5.2.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở.
291			5.2.02		Diện tích khu đất trường, diện tích các công trình xây dựng.
292	5	3	5.3.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở.
293	5	4	5.4.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại 02 cơ sở.
294			5.4.02		Sơ đồ hệ thống điện cho toàn trường.
295			5.4.03		Sơ đồ hệ thống cấp, thoát nước.
296			5.4.04		Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy của trường; Biên bản nghiệm thu; Biên bản kiểm tra công tác PCCC).
297			5.4.05		Hợp đồng- Biên nhận thu gom rác.
298			5.4.06		QĐ 412/QĐ-CĐNDLSG ngày 04/11/2016 về Quản lý Bảo trì bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
299			5.4.07		Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
300			5.4.08		Báo cáo kết quả kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm.

301	5	5	5.5.01	Bảng thống kê các phòng học lý thuyết & phòng thực hành.
302			5.5.02	Danh mục trang thiết bị, dụng cụ các phòng lý thuyết và thực hành
303			5.5.03	Báo cáo và đánh giá về mức độ đáp ứng số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo
304	5	6	5.6.01	QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
305			5.6.02	Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị.
306			5.6.03	Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị.
307			5.6.04	Quy định quản lý phòng thực hành.
308			5.6.05	Danh mục trang thiết bị, dụng cụ các phòng lý thuyết và thực hành.
309	5	7	5.7.01	QĐ số 63/QĐ-CĐNDLSG ngày 19/04/2016 V/v Quản lý giao nhận chìa khóa và niêm phong (phòng học, làm việc...)
310			5.7.02	Quy định quản lý phòng thực hành
311			5.7.03	Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị.
312			5.7.04	Báo cáo về việc sử dụng phòng học, phòng thực hành.
313	5	8	5.8.01	Danh mục thiết bị đào tạo, hồ sơ thiết bị.
314			5.8.02	Bản kiểm kê thiết bị thực hành theo các nghề đào tạo.
315			5.8.03	Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hằng năm.
316			5.8.04	Danh mục trang thiết bị đào tạo nghề do dự án EU tài trợ.
317			5.8.05	Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môn học.
318			5.8.06	Thời khóa biểu thể hiện việc bố trí

					phòng lý thuyết, thực hành của trường.
319			5.8.07		Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành.
320	5	9	5.9.01		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt hệ thống điện, nước.
321			5.9.02		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ thực hành.
322			5.9.03		Hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ thực hành.
323			5.9.04		Checklist kiểm tra TTB-DC thực hành.
324			5.9.05		Kết luận của trường đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong các phòng thực hành.
325	5	10	5.10.01		QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật)
326			5.10.02		Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị.
327			5.10.03		Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị.
328			5.10.04		QĐ số 23/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/03/2015 V/v ban hành Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị.
329			5.10.05		Quy định quản lý phòng thực hành.
330	5	11	5.11.01		Danh mục thiết bị đào tạo, hồ sơ thiết bị
331			5.11.02		QĐ số 142/QĐ- CĐNDLSG ngày 04/11/2016 V/v Quản lý bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
332			5.11.03		Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị
333			5.11.04		Checklist kiểm tra, bảo dưỡng tài sản, thiết bị

334			5.11.05		QĐ số 23/QĐ-CĐNDLSG ngày 21/03/2015 V/v ban hành Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị
335			5.11.06		Quy định quản lý phòng thực hành
336			5.11.07		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hằng năm
337	5	12	5.12.01		Hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng TTB-DC phục vụ đào tạo.
338			5.12.02		Quy định quản lý phòng thực hành.
339	5	13	5.13.01		Nội quy thư viện
340			5.13.02		Danh mục Giáo trình, tài liệu tham khảo bản in và file mềm
341			5.13.03		Thống kê diện tích phòng học, phòng lưu trữ
342	5	14	5.14.01		Lịch làm việc của thư viện
343			5.14.02		Bảng mô tả nhiệm vụ của nhân viên thư viện
344			5.14.03		Quy trình thư viện dành cho bạn đọc.
345			5.14.04		Hướng dẫn tra cứu sách trên phần mềm.
346			5.14.05		Thông báo và kế hoạch sách mới
347			5.14.06		Danh mục sách mới.
348			5.14.07		Thông tin trên Facebook của thư viện.
349			5.14.08		Bảng tổng hợp khảo sát và đánh giá của Giảng viên, HSSV về hoạt động thư viện
350	5	15	5.15.01		Phần mềm Quản lý thư viện.
351	6	1	6.1.01		Quyết định số 24/QĐ-CĐNDLSG ngày 23 tháng 03 năm 2015.
352			6.1.02		Quy chế chi tiêu nội bộ.
353			6.1.03		Kế hoạch tổ chức chuyên đề về phương pháp nghiên cứu khoa học.
354			6.1.04		Luận văn thạc sỹ, Tiến sĩ
355	6	2			
356	6	3			
357	6	4			
358	6	5	6.5.01		Các văn bản, Công văn của dự án

					về việc cử giảng viên tham gia khóa học.
359			6.5.02		Giấy chứng nhận của dự án sau khi giảng viên hoàn tất khóa học.
360			6.5.03		Các Biên bản ghi nhớ.
361			6.5.04		Hình ảnh minh họa.
362	7	1	7.1.01		Bộ quy định Tài chính - Kế toán.
363			7.1.02		Quy chế chi tiêu nội bộ.
364			7.1.03		Kế hoạch thu - chi hàng năm.
365			7.1.04		Báo cáo công tác tài chính hàng năm.
366	7	2	7.2.01		Quy định, thông báo mức học phí hàng năm.
367			7.2.02		Hợp đồng căn tin, hợp đồng giữ xe.
368			7.2.03		Các Hợp đồng hợp tác đào tạo.
369			7.2.04		Danh mục các nguồn thu từ hoạt động đào tạo
370			7.2.05		Báo cáo tài chính hàng năm và Hồ sơ lưu trữ chuyên môn tại phòng Tài chính - Kế toán.
371	7	3	7.3.01		Kế hoạch tài chính hàng năm
372			7.3.02		Tổng hợp kinh phí cho các hoạt động của trường hàng năm.
373			7.3.03		Báo cáo tài chính hàng năm.
374			7.3.04		Hồ sơ lưu trữ chuyên môn tại phòng Tài chính - Kế toán.
375			7.3.05		Biên bản kiểm tra
376	7	4	7.4.01		Quy chế chi tiêu nội bộ
377			7.4.02		Bảng dự trù kinh phí của các phòng, khoa, trung tâm hàng năm.
378			7.4.03		Phiếu thu, chi, các chứng từ thanh toán lưu trữ tại phòng TCKT.
379			7.4.04		Hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định.
380			7.4.05		Bộ quy định Tài chính - Kế toán.
381			7.4.06		Báo cáo công tác tài chính hàng năm.
382			7.4.07		Biên bản kiểm quỹ hàng tháng.

383	7	5	7.5.01	Bảng dự trừ kinh phí của các phòng, khoa, trung tâm hàng năm.
384			7.5.02	Dự toán kinh phí hàng năm.
385			7.5.03	Báo cáo tài chính năm.
386			7.5.04	Hồ sơ lưu trữ chứng từ kế toán hàng năm.
387			7.5.05	Biên bản kiểm quỹ hàng tháng.
388	7	6	7.6.01	Kế hoạch thu - chi hàng năm.
389			7.6.02	Báo cáo công tác tài chính hàng năm.
390			7.6.03	Báo cáo tổng kết năm.
391			7.6.04	Báo cáo về việc so sánh sử dụng nguồn tài chính hàng năm.
392			7.6.05	Biên bản kiểm quỹ hàng tháng.
393	8	1	8.1.01	Nội dung sinh hoạt đầu khóa, nội quy, quy chế đào tạo của trường.
394			8.1.02	Thông báo về các chế độ chính sách đối với HSSV của nhà trường.
395			8.1.03	Sổ tay học sinh sinh viên.
396			8.1.04	Chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo.
397			8.1.05	Biên bản sinh hoạt chủ nhiệm. Biên bản họp ban cán sự lớp.
398			8.1.06	Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp.
399	8	2	8.2.01	Thống kê, báo cáo các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với HSSV thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác.
400			8.2.02	Danh sách HSSV thuộc đối tượng ưu tiên: Họ tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách).
401			8.2.03	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường về việc thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với HSSV thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách khác mà trường đã và đang áp dụng.
402	8	3	8.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ.

403			8.3.02		Sổ tay sinh viên.
404			8.3.03		Quyết định khen thưởng các cá nhân xuất sắc trong các kỳ tốt nghiệp; Danh sách khen thưởng
405			8.3.04		Quyết định khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc trong kỳ tuyển sinh; Danh sách khen thưởng
406			8.3.05		Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
407	8	4	8.4.01		Thông báo tuyển sinh.
408			8.4.02		Quy chế công tác HSSV.
409			8.4.03		Các kế hoạch hoạt động của Hội sinh viên.
410			8.4.04		Báo cáo tổng kết hàng năm của trường
411	8	5			
412	8	6	8.6.01		Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ y tế.
413			8.6.02		Danh mục thiết bị y tế.
414			8.6.03		Báo cáo về công tác y tế.
415			8.6.04		Hợp đồng phục vụ căn tin.
416			8.6.05		Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.
417			8.6.06		Đánh giá về công tác phục vụ nhà ăn.
418	8	7	8.7.01		Các hợp đồng nguyên tắc
419			8.7.02		Các kế hoạch tổ chức văn nghệ, thể dục thể thao.
420			8.7.03		Các kế hoạch tổ chức Hoạt động xã hội.
421			8.7.04		Báo cáo kết quả hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên.
422			8.7.05		Hình ảnh minh chứng.
423			8.7.06		Báo cáo đánh giá về tình hình an toàn tại trường hằng năm.
424	8	8	8.8.01		Kế hoạch tổ chức chuyên đề PP thực tập hiệu quả tại doanh nghiệp.
425			8.8.02		Kế hoạch tổ chức chương trình.

426			8.8.03		Danh sách các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, tuyển dụng HSSV tốt nghiệp.
427			8.8.04		Thư mời các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng.
428			8.8.05		DS HSSV tham gia phỏng vấn.
429			8.8.06		Quy trình khảo sát HSSV sau tốt nghiệp
430	8	9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức chuyên đề tuyển dụng và GTVL.
431			8.9.02		Danh sách các doanh nghiệp tuyển dụng.
432			8.9.03		Hình ảnh minh chứng.
433	9	1	9.1.01		Quy trình khảo sát
434			9.1.02		Kế hoạch Khảo sát.
435			9.1.03		DS các doanh nghiệp.
436			9.1.04		Bảng hỏi/ nhận xét của doanh nghiệp
437			9.1.05		Báo cáo kết quả khảo sát các doanh nghiệp.
438	9	2	9.2.01		Kế hoạch khảo sát ý kiến của CBNV, GV đánh giá mức độ hài lòng về các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBNV và GV nhà trường.
439			9.2.02		Danh sách CBNV, GV được khảo sát hàng năm.
440			9.2.03		Phiếu khảo sát CBNV, GV.
441			9.2.04		Báo cáo kết quả khảo sát.
442	9	3	9.3.01		Kế hoạch khảo sát HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến HSSV.
443			9.3.02		Danh sách HSSV các ngành, nghề được khảo sát hàng năm.
444			9.3.03		Phiếu khảo sát HSSV.
445			9.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát.

446	9	4	9.4.01		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá.
447			9.4.02		Báo cáo tự đánh giá.
448			9.4.03		Tài liệu/ Hình ảnh minh chứng.
449	9	5	9.5.01		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá.
450			9.5.02		Báo cáo tự đánh giá.
451			9.5.03		Hình ảnh minh chứng.
452	9	6	9.6.01		Quy trình khảo sát SV sau tốt nghiệp
453			9.6.02		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV đã tốt nghiệp hàng năm.
454			9.6.03		Kế hoạch khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp.
455			9.6.04		Phiếu khảo sát SV sau tốt nghiệp
456			9.6.05		Báo cáo kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp.

PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Tiêu chí	Kế hoạch nâng cao chất lượng
1	Duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của trường, chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học, đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội sẽ quảng bá hình ảnh của trường một cách hiệu quả nhất.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai áp dụng phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, thiết kế nội dung bài học theo hướng tích hợp và sát với thực tế. - Tổ chức định kỳ hàng năm cho đội ngũ nhân viên, giảng viên về phương pháp giảng dạy hiện đại theo chuẩn T.O.T (Trainer of trainer) mà trường đã được thưởng hưởng từ “Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam”
3	Trong năm 2020, khuyến khích, cử cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ và tin học, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng thực hành nghề để phục vụ hoạt động của nhà trường tốt hơn và đáp ứng theo yêu định của TT08/2017.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật các tiến bộ công nghệ để điều chỉnh, bổ sung nội dung của chương trình và giáo trình của từng ngành, nghề. - Cập nhật và tham khảo ý kiến của các giảng viên, các chuyên gia và các doanh nghiệp nhằm xây dựng một chương trình dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của xã hội. - Lập kế hoạch triển khai đến các Khoa, Tổ Bộ môn tổ chức biên soạn giáo trình cho tất cả các mô-đun, môn học thay thế các giáo trình bên ngoài đang sử dụng hiện nay.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch năm 2020, hoàn thiện toàn bộ TTB, DC đưa vào sử dụng tại tòa nhà Kỳ Đồng; - Nâng cấp các Phòng thực hành.
6	<p>Tầm nhìn đến 2022, nhà trường xây dựng chính sách khuyến khích CBNV, GV tham gia nghiên cứu hợp tác quốc tế để nâng cao khả năng quản lý và giảng dạy, ngang tầm với khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh, cập nhật quy định nghiên cứu khoa học nhằm tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ CBNV, GV cùng tham gia và đẩy mạnh công tác NCKH của trường. - Lập kế hoạch, tìm nguồn kinh phí hỗ trợ, làm việc với lãnh đạo Sở Du lịch để tham gia các đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn của trường và thời hạn cho giảng viên, giáo viên nghiên cứu khoa học công nghệ.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực liên hệ với các doanh nghiệp để có cập nhật giá cả thị trường nhằm hỗ trợ cho công tác lập dự toán chính xác hơn. - Nhà trường có kế hoạch phối hợp tất cả các phòng, khoa chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng ngành nghề đào tạo.
8	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì thực hiện quy định và cung cấp phổ biến công khai thông tin cần thiết về chương trình đào tạo trong các năm tiếp theo. - Duy trì đảm bảo các chế độ, các dịch vụ hỗ trợ cho HSSV và đa dạng hóa các

	<p>hình thức hoạt động vui chơi giải trí cho HSSV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, bổ sung phần mềm quản lý đào tạo (CcsTrain) với các tiện ích và tính năng “thông minh” giúp cho cán bộ, nhân viên tăng cường khả năng quản lý quá trình đào tạo. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên giải quyết các nội dung khác liên quan đến công tác HSSV trên website của trường. - Rà soát, cập nhật và nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện chặt chẽ các quy trình quản lý thực tập và GTVL của nhân viên phụ trách bộ phận thực tập và giới thiệu việc làm của các khoa chuyên môn. Đồng thời, phối hợp với doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh tổ chức nhiều chuyên đề hữu ích cho HSSV các ngành. - Phát huy hơn nữa nhiều hình thức trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp và mở rộng cổng thông tin thị trường lao động để cung cấp cho HSSV.
9	<p>Rà soát cập nhật, bổ sung công tác giám sát, kiểm tra và đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của nhà trường, doanh nghiệp và HSSV, thích nghi với sự phát triển ngày càng cao của xã hội hiện nay.</p>

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Qua công tác tự kiểm định, nhà trường nhận thấy công tác này rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay, giúp nhà trường xác định được vị trí và năng lực hiện có, từ đó xây dựng những mục tiêu, giải pháp thiết thực nhằm ngày càng hoàn thiện hơn đáp ứng với yêu cầu đặt ra và sự phát triển của xã hội. Đồng thời, thông qua việc tự kiểm định giúp cho tập thể cán bộ, nhân viên và giảng viên nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm định, xem công tác tự kiểm định là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của của nhà trường, là động lực để trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

II. KIẾN NGHỊ:

Việc triển khai thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐ và thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, đòi hỏi sự huy động, tập trung nhiều nguồn lực của cơ sở GDNN mới có thể hoàn thành và đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn đề ra, đặc biệt đối với các cơ sở GDNN tư thục hoạt động tự thu, tự chi để đảm bảo chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định. Vì vậy, trường xin kiến nghị Tổng Cục GDNN/ Cục Kiểm chất lượng quan tâm hơn nữa đối với các cơ sở GDNN tư thục trong việc hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp các hoạt động đảm bảo chất lượng/ tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN/ tự đánh giá chất lượng CTĐT. Tổ chức đào tạo các kiểm định viên từ các cơ sở GDNN tư thục thay vì tập trung chủ yếu đào tạo cho các trường công lập trước đây, để có được đội ngũ đánh giá viên khách quan và hiểu rõ về đặc thù của các cơ sở GDNN tư thục, giúp các cơ sở GDNN tư thục từng bước hoàn thiện, khắc phục các mặt còn yếu kém chưa đạt được so với các tiêu chuẩn, tiêu chí đã ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Quỳnh Quân